

THÁI - BẠCH



CUỘC BÚT CHIẾN

GIỮA

PHAN-VĂN-TRỊ — TÔN-THỌ-TƯỜNG

Nhà xuất-bản SỐNG-MỚI

90/2 Cao-Thắng — SAIGON

1957

THÁI - BẠCH

CUỘC BÚT CHIẾN

Giữa

PHAN - VĂN - TRỊ - TÓN - THỌ - TƯỜNG

Nhà xuất-bản SỐNG-MỚI

90/2, Đường Cao-Thắng — SAIGON

1957

MỤC - LỤC

- **Lời soạn-giả**
- **Thời-đại cuộc bút-chiến.**
- **Giới thiệu Phan-văn-Trị.**
- **Giới-thiệu Tôn-thọ-Tường.**
- **So sánh giữa hai người.**
- **Bảng đòn cân lực-lượng.**
- **Nội-dung cuộc bút-chiến.**
- **Giá-trị cuộc bút-chiến.**
- **Kết-luận.**

Lời soạn - giả

Tám mươi năm qua trên lịch-sử nước ta là cả tám mươi năm chiến đấu không ngừng để giành lại chủ-quyền và giải phóng đất-dai.

Việc ấy ai cũng biết phải qua nhiều thời-kỳ, dùng nhiều hình-thức, khi công-khai, lúc bí-mật, và có khi đã cùng một lượt đưa ra bằng đủ mọi phương-diện: quân-sư, chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa. Chỉ một viên gạch hay một khúc cây thôi, không, thế nào, và cũng không bao giờ trở thành một tòa nhà được hết.

Tuy thế một phần đông chúng ta chỉ chú ý đến những cuộc chiến-dấu xảy ra bằng hình-thức vũ-trang nhất là thời-kỳ đầu, khi quân Pháp mới tràn sang đất này — như của các vị anh hùng dân-tộc Trương-công-Định, Phan-định-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám v.v... mà quên rằng trong thời-kỳ đó, trong giai-doạn lịch-sử đó, bên

cạnh những cuộc chiến đấu ấy, còn có một cuộc chiến đấu, tuy không phải gươm súng, nhưng kết quả đã có ảnh hưởng rất sâu trong quần chúng.

Cuộc chiến đấu ấy tức CUỘC BÚT-CHIẾN giữa Phan-văn-Trị, Tôn-thọ-Tường, hai nhà thơ cùng thời ở Đồng-nai Bến-nghé, nhưng một đứng về phe kháng-chiến, phe chính-nghĩa, tức phe của nhân-dân, còn một thì đứng về phe phi-nghĩa, phe theo quân giặc để phản lại đồng-bào.

CUỘC BÚT-CHIẾN ấy thế nào ?

Trong tập sách mỏng này, chúng tôi xin trình bày với quý bạn đọc, và đặc biệt chú ý đến tính chất quan-trọng của nó, vì đó chính là giá-trị của một thành-tích lịch-sử, mà tất cả mọi người Việt-nam ta, không ai là không phải biết đến, để cùng nhận xét và học tập...

Sài-thành, mùa mưa năm Đinh dậu — 1957
THÁI - BẠCH

I.— Thời-đại cuộc Bút-chiến

Cuộc bút-chiến xảy ra vào thời-đại nào ?

Có thể nói là một thời-đại vô cùng rối ren và nát bét trên lịch-sử nước ta, nhằm giữa lúc thế-kỷ 19, một thế-kỷ mà trong nước vừa có nội-loạn và vừa có ngoại-xâm. Trong thì giặc-giã nồi lên như ong. Ở Bắc, nhân-dân vừa thoát khỏi nạn giặc Phan-bá-Vành, Lê-duy-Lương, Nùng-văn-Vân thì lại đến giặc Tam-đường, giặc Nguyễn-văn-Thịnh, giặc Khách, giặc Cờ-den, giặc Cờ-trắng, giặc Cờ-vàng nồi lên ở các tỉnh Trung-du và Thượng-du. Ở Trung, ngay tại kinh-thành Huế thì có việc mưu cướp ngôi vua Tự-Đức do bọn Đinh-Đạo, Đoàn-Trùng, Tôn-thất-Cúc chủ-trương (việc không thành, cả bọn đều bị tội).

Ở miền Nam tuy không có những cuộc nội-loạn liên tiếp xảy ra như hai miền Trung, Bắc, nhưng trước hơn đâu hết, các tỉnh lần lượt bị lọt vào tay quân đội thực-dân Pháp.

Cái kết-quả tai hại đi dần tới chỗ mất nước ấy là do nơi chính-sự triều-đình đồ nát, quan-lại tham-ô. Nhà vua thì lo việc củng-cô vương-quyền bằng cách thu hẹp bộ máy chánh-quyền trong các hạng bày tôi thân tín, thủ túc hơn nghĩ đến công việc cải-thiện bộ máy sinh-hoạt của nhân-dân.

Quan-niệm hưởng lạc ngày càng nảy-nở nơi triều-nội. Vua thì như thế, còn quan lại thì a dua xu phụng để lo lấy vinh thân phì gia hơn là nghĩ đến công việc lớn trong nước.

Đã thế, việc chủ-trương cấm đoán, khùng bối Gia-tô giáo và chính-sách bế-môn tỏa cảng, không giao thiệp với các nước phương Tây lại càng làm cho việc đổi-nội cũng như đổi-ngoại, mỗi ngày một thêm phần rối rắm.

Sự học của nước ta lúc đó tuy có thịnh, nhưng cái thịnh của lối học từ-chương và cử-nghiệp không thể bảo đảm được cho công việc trị nước an dân. Bởi thế, các quan lại đa số xuất thân từ khoa-bảng, từ sân Trình cửa Không, nhưng không mấy ai, khi hành động giữ được nguyên-lý chân chính của Nho-học, luân-lý của Thánh-Hiền để lại.

Do ở cái học hủ-vân ấy, lại lâm vào hoàn-cảnh xã-hội như trên, nên trong lớp sĩ-phu hồi đó, nói chung

những người có học đã phát sinh ra một số bất mãn, bất mãn vì chế-độ triều-đình, bất mãn về khoa-bảng, bất mãn về công-danh sự-nghiệp, rồi dần dần đi tới những hành-động bất chính. Thế rồi khi quân giặc Pháp đe chân lên đất này trong các tùng lớp nhân-dân đã phân ra hai hạng người rõ-rệt :

Một hạng vì vinh-hoa, phú quý đi ra theo giặc để phản lại đồng-bào, trong hạng người này có số sĩ-phu bất mãn với chế-độ triều-đình, với công-danh sự-nghiệp như trên, nhưng trước dư-luận, họ vẫn cố ý bào chữa cho việc làm của mình là ngộ biến lòng quyền để che giấu cái bộ mặt xấu xa và bỉ ổi trong khi cả nước đương sôi-lên vì nhục.

Một hạng nữa là những người đứng hẳn về phe kháng-chiến, phe của đa-số nhân-dân, thà chết vinh hồn sống nhục, thà chịu gian-nan cực-khổ còn hơn là đi ra đầu hàng giặc để chia rượu ngọt, gặm bánh mì, mang tiếng muôn đời là phản nước hại dân.

Nói riêng về tình-hình miền Nam lúc đó, nghĩa là từ năm 1861, năm quân Pháp hạ thành Gia-định trở đi, thì hạng trước là những người như Đỗ-hữu-Phương, Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, và trong đó có người được gọi là sĩ-phu, tức đốc-phủ Tôn-thọ-Tường. Còn hạng sau là những người kiên quyết chống lại bằng những hành động vũ-trang như các ông Trương-công-

Định, Nguyễn-trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Thủ-khoa-Huân. Trong số các sĩ-phu ở về phía chính nghĩa của nhân-dân này có ông cử-nhân Phan-văn-Trị và một số khác tuy không trực liếp tham gia cuộc chiến đấu bằng gươm dao súng đạn để giành lại giang sơn, nhưng đã đóng góp vào công việc kháng-chiến của toàn dân bằng cách dùng ngòi bút của mình để đánh lại những hạng người trên kia, nghĩa là đã hoạt-động và chiến đấu trên chiến-trường văn-nghệ.

Vì vậy, cuộc bút-chiến đã phát sinh giữa hai phe, một phe là Tôn-thọ-Tường, người theo Pháp, và một phe chống lại là những sĩ-phu yêu nước đứng về phía nhân-dân kháng chiến mà người xướng khởi, cùng có công hơn hết phải nói là ông Phan-văn-Trị.

Cho nên nói đến cuộc bút-chiến này, chúng ta ngày nay không thể không biết sơ qua về thời-đại của nó, vì chính nó là con đẻ của thời-đại nước ta khi đó, cũng như ở khoảng thế-kỷ ấy mà tình-hình trong nước không có những cái đáng tiếc và những biến cố đã xảy ra như trên kia chúng tôi đã kể sơ lược cùng các bạn thì cuộc bút-chiến ấy cũng không có thể nào hoặc do đâu mà phát sinh ra vậy.

II— Giới-thiệu Phan-văn-Trị

Ông Phan-văn-Trị người làng Hanh-thông tỉnh Gia-dịnh, thi đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-dậu, năm Tự-dức thứ 2 tức Dương-lịch 1849, nên tục thường gọi là Cử-Trị.

Ông sinh năm Canh-dần, tức năm Minh-mệnh thứ 11, dương-lịch 1980¹⁹²⁰ và mất năm Canh-luất tức năm Duy-tân thứ 4 dương-lịch 1910, hưởng thọ được 81 tuổi.

Giòng dõi trâm anh, bẩm tính thông-minh, lại sinh gặp thời vua Minh-mệnh, một thời mọi việc trong nước đều được sửa sang tu chỉnh lại, đặc-biệt về phương diện văn-học lại càng được mở mang, như việc đặt ra nhà Quốc-tử-giám, việc mở thêm các khoa thi Hội, thi Đinh, việc đặt ra chén học-sinh ở các tỉnh miền Nam cho các thanh-niên tuấn tú được cấp lương ăn theo học tại trường quan Đốc-học ở tỉnh. Do đó, sức học của ông Cử không mấy chốc đã thành tài, nổi tiếng. Ông thi đậu Cử-nhân năm 20 tuổi, kể là một vị khoa-mục trẻ tuổi vào hàng trẻ tuổi nhất thời đó.

Với chân khoa-bảng ấy, lẽ ra ông đã sớm nhảy vào quan trường để nhờ bờóc thang mây giải quyết vấn-dề sinh sống của gia-dinh. Nhưng tính khinh thê ngọa vật và tự kiêu của người có danh vọng hiên đạt, nhưng còn ở tuổi mới lớn lên, đã làm cản trở bước đường ấy của ông.

Cụ Phan-thanh-Giản là bạn thiết với thân phụ ông, lúc đó được cử vào nhậm chức Kinh-lược phó-sứ và lãnh chức Gia-định tuần-phủ, nghe tiếng ông Cử tài cao học giỏi đỗ sớm, nhà nghèo mà chưa được trọng dụng, mới viết thư gọi ông đến để kiểm việc cho làm. (1)

Khi ông Cử tới, cụ Phan hỏi qua về kinh sách, rồi nhận thấy một con mèo nhảy lên sà nhà mới lấy đó ra đầu-dề bài thơ cho ông Cử. Ông hạ bút viết liền :

Mắt tưng dài các sải chân leo.
Nhảy lẹ chi cho băng giống mèo.
Chợt ngẩn mắt hùm nhìn trực thị,
Chi cho lũ chuột dám vang reo.
Vuốt nanh săn có vàng phơi sắc ;
Vẫn vện dành không bụi đóng meo.
Trăm tuổi hồn dầu về chín suối.
Năm lồng đẽ lại giúp trò nghèo.

Cụ Phan xem thơ phục tài, nhưng cho rằng ông có ý ngọa mình. Và thấy con người còn nhỏ tuổi quá

(1) Thời-gian đó vào khoảng năm 1851, người làm kinh-lược chánh-sứ là ông Nguyễn-trí-Phương.

mà lại có tính như vậy thì e sau này sẽ không làm nên
được, nên việc cất nhắc ông, cụ Phan đình lại. Cách
ít hôm sau, cụ Phan tới chơi nhà ông để thăm ông thân-
sinh ra ông là bạn cũ với mình. Thấy ông Cử, cụ Phan
hỏi có bài thơ nào mới làm cho xem. Ông Cử đưa ra
2 bài thơ, một bài vịnh « Đá cá thia - thia » và một
bài nữa vịnh « Hột thóc ». Bài :

ĐÁ CÁ THIA-THIA

Đắm thăm mưa xuân trỗi mây mầu.
Vì tài vì sắc mới kinh nhau.
Đua chen hai nước toan giành trước ;
Lùng lẫy đua hơi chẳng chịu sau.
Mường tượng rồng đua nơi biển thăm ;
Mùa mai cù dậy dưới sông sâu.
Thở hơi sóng dợn nhăn lòng nước ;
Mắt thấy ai ai cũng cúi đầu.



Đồng loại sao người chẳng ngỡ ngàng,
Hay là một lứa phải nung gan ?
Trương vi so dọ vài gang nước ;
Đàu miệng hơn thua nửa tắc nhang.
Ráng súc giây lâu dài tróc vẩy ;
Nín hơi trót buổi lại phùng mang.
Ra tài cửa võ chưa nên mặt,
Cắc cớ khen ai khéo nhộn nhàng.

VỊNH HỘT THÓC

*Giai từ đồng ruộng dạo xa chơi,
Thiên-hạ ai mà chẳng biết hơi.
Cởi giáp vàng kia phơi chốn chốn.
Bày da ngọc nõ rạng nõi nõi.
Ông cha giúp nước đà ghe thuở.
Giòng dõi nuôi dân biết mấy đời.
Vì thế liều mình cơn nước lũa,
Người đà có thấy hời người ơi !*

Xem bài trên, cụ Phan cho là tuyệt diệu, có khí-khai. Nhưng qua bài dưới, tới 2 câu luận cụ phê *Thóć không có ông cha* và ở câu kết, cụ phê rằng : **Nhữ-hà oán Triều-dinh chi-thậpm**, nghĩa là *tại sao nhà người oán triều-dinh dữ thế?*

Bởi đó, việc cất nhắc ông vào hoạn-bộ không thành. Từ đó, ông cũng chán luôn, không màng nghĩ đến nữa. Gặp hoàn-cảnh gia-dinh túng thiếu, ông phải đi xuống các tỉnh miền Tây dạy học, và thường phải lui tới vay mượn các anh em bạn bè như các ông Bố-chánh Thông, Đốc-phủ Trung, Huấn-đạo Hằng, Thủ-khoa Nghĩa v.v...

Khi chiến-tranh Pháp, Việt bùng nổ ở Cia-dịnh, ông tản cư xuống Vĩnh-long, mở trường dạy học và làm thuốc làng Hưng-thạnh, huyện Bảo-an. Trong những ngày này, ông thường đi lại chơi bời, đàm luận với các

ông Nguyễn-dinh-Chiều, Huỳnh-mẫn-Đạt. Cùng nhau
lấy làm tương đắc lăm.

Ông mất tại làng Phong-diền là nơi ông đã từng
ngồi dạy học. Địa-diểm này ở cách thị-xã Cần-thơ
chừng 17 cây số, con cháu ông hiện nay cũng còn ở
vùng này, nhưng không phát đạt lăm.

Bình -sinh ông Phan làm thơ rất nhiều và được
truyền tụng cũng rất lăm.

Trong số các tác phẩm của ông, ngoài những bài
trên và những bài bút chiến, những bài sau đây là
đặc sắc :

1.— CON CÓC

Cóc hởi mà sao cứ một ngồi ?
Vợ chồng đồng mặc cả và đôi.
Nghiến răng nhiều thuở oai trời động,
Mở miệng đòi phen lũ kiến lui.
Phận khó bốn mùa nhờ chiếu đất.
Danh vang tám tiết biết thời trời.
Mưa tuôn một trận đầy lai láng ;
Cóc nhảy ra ngồi khuấy nước chơi.

2.— QUÁN NƯỚC

Trà thô đãi khách giải công-lao,
Gây dựng cơ đồ tẩm thảo-mao.
Mấy cấp lên dài ra sửa nước,

Một tay chẽ bọt chẳng lo trào.
Lời nhở trăm họ khi nồng nực ;
Ơn chịu muôn dân khỏi khát khao,
Thương khách vãng lai đều thấy hết,
Một mình tri thức đủ anh-hào.

3.— THỢ MAY

Giỗi lè Hoàng-dé(1) chì ớc toan tìm,
Nghè-nghiệp trong tay đỡ vận chèm.
Chắp mỗi âm dương vài sợi chỉ,
Mờ mang trời đất một đàng kim,
Nhờ công cả nước che sương gió,
Giúp súc nhà vương đủ áo xiêm.
Một thuở ra tay người dặng ấm ;
Trăm năm đẹp mắt kẻ quan chiêm.

4.— BẾN AN-GIANG

Lênh đênh bèo nước biết là đâu,
Đậu bến An-giang thấy những rầu.
Bảy núi mây liền chim nhịp cánh ;
Ba dòng nước chảy cá vênh râu.
Có rau nội quanh dân xanh mặt,
Không trái bần khô khỉ bạc đầu.
Xem hết cảnh tình rồi nghĩ nghĩ,
Thú vui chỉ có một thuyền câu.

(1) Hoàng-dé, tên một vị vua đời Thương-cố bên Tàu, người nghĩ ra cách may mặc trước nhất cho dân-chúng.

5.— CÁI CỐI XAY

Công danh trên thế đố ai tẩy,
Ra gạo cũng nhờ cái cối xay.
Một trận chỉ sờn cơn gió bụi,
Trăm vòng nào nại sức lung-lay.
Mòn răng nợ chủ lòng mong trả,
Trặc họng khen ai khéo đặt bày.
Bao quản thớt trên cùng thớt dưới,
Hiển vì còn giặc phải ra tay.

6.— ÔNG TÁO

Vóc là đất cục phải là chi.
Ông Táo danh xưng tự thuở ni.
Lồng khồng công nòi da mốc thêch,
Lum khum đợi chảo mặt đen sì.
Chày da với chủ đà ghe thuở,
Phỏng trán cùng dân đã mấy khi.
Sau trước họ hàng chưa rõ đặng.
Ba đầu chum lại giống di gì ?

7.— CON RẬN

Mặt mũi mặn ri cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dụng vào đâu.
Xôn xao trên mǎo chưa ra mặt,
Lục dục trong chǎn cứ dục đâu.
Khuấy ngứa gầy dân chi khác rệp.
Ra công báo nước chẳng bằng trâu.

*Khéo sah trong thế chỉ cho nhộn,
Có có khồng khồng củng chẳng cầu.*

8.— CHÙA HƯ

*Nam mõ hai chữ biết về đâu,
Cảm nỗi chùa hư. Phật phải rầu.
Nắng giỗi mõ chuông khô nứt mặt,
Mưa sa kinh kê trót mem đâu,
Rầm nguồn vắng kẻ dâng vừa nếp,
Hôm sớm khồng ai củng phụng đâu.
Đức cả từ bi xin sớm liệu,
Ngồi chờ Lương-Võ (1) thế còn lâu.*

9.— NƯỚC LỤT

*Mưa từng đỗ, gió từng hồi,
Thế-giới bao nhiêu nước khóa rồi.
Lũ kiển bắt tài đòi chồ tấp,
Chòm rong vô dụng siu bè trôi.
Lao xao nội lục nghe chim óng;
Lỗm xỗm giùm cao thấp chó ngồi.
Nỡ bỏ dân nghèo trên gác yếu,
Nào vua Hạ-Vũ ở đâu người?*

10.— NẠN CÀO-CÀO

*Chẳng biết cơ trời khéo khiến sao,
Trải qua mấy xứ củng cào-cào.*

(1) Lương-Võ tức Võ-dế đời nhà Lương bên Tàu, một ông vua rất sùng đạo Phật và làm chùa nhiều nhất.

*Hình như châu-chấu vàng pha xám.
Miệng tựa chuồn-chuồn thấp lại cao.
Hai lúa bối người nên cắc-cớ,
Nhọc lòng cho kẻ đuỗi lao-xao.
Lời ngay ướm hỏi quan lương-thú.
Đuối đó phòng toan tới xít nào ?*

11.— VĨNH-LONG THẤT THỦ

*Tò le kèn thổi tiếng năm ba, (1)
Nghe lọt vào tai dạ xít xa,
Uốn khúc sông Rồng mờ mịt khói,
Vắng hoe thanh Phụng ủ sầu hoa,
Tan nhả cảm nỗi cay ly-hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng-hòa.
Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ.
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.*

12.— THẾ SỰ

*Mỗi tờ ai gõ lúc này xong ?
Một giải trời Nam biết mấy trùng.
Kẻ úa gan trung dương mắt ngồ ;
Người liều dạ sắt múa tay không.
Thành bày trung nghĩa theo tro bụi,
Hoài của giang sơn trút biển sóng.
Ơn nước nợ nhà đành có thuở ;
Biết bao chờ đợi, biết bao trông !*

(1) Thành Vĩnh-long bị mất về tay quân-đội thực-dân
Pháp năm 1867.

*Chiều chiều lại nhớ cảnh chiều chiều,
Thàm cảm giang sơn biết bấy nhiêu !
Dẫu cũ gò băng nên Hạ-Võ, (1)
Phép xưa trái tráp luật Đường-Nghiêu (2)
Húra-Do tức bụng làm thẳng mục, (3)
Sào-Phủ nghiến răng giả chú tiêu.
Thế vây dặn mình đừng có vây,
Cờ mao (4) chống chọi chờ lo xiêu.*

13.— CÂU CÁ

*Người hỏi Nghiêm-Lăng có biết chăng? (5)
Lòng ta ý gã đố ai băng !
Nửa cân thù-vị trời trời nước ;
Một sợi phong lưu gió gió trăng.*

(1) Hạ-Võ, một ông vua hiền có công trị thủy cứu dân đời Tam-đại bên Tàu.

(2) Đường-Nghiêu, tức đời vua Nghiêu, một đời thịnh-trị nhất bên Tàu.

(3) Một người hiền ần-dật đời vua Nghiêu, vua Nghiêu nghe tiếng mồi đến để nhường thiên-hạ cho. Húra-Do không nhận, khi ra về xuống sông rửa tai. Sào-Phủ, cũng một người ần-dật dắt trâu đi uống nước, thấy Húra-Do làm vậy, hỏi thăm biết chuyện liền dắt trâu đi ra ngọn sông khác, sợ đê trâu uống phải nguồn nước nhớ bắn ấy.

(4) Cờ mao tức cờ của nhà vua ban cho.

(5) Nghiêm-Lăng tức Nghiêm-Quang, bạn thân với vua Quang-Vũ đời Đông-hán, nhưng nhà vua mời ra thế nào cũng không chịu, nhất định đi ăn câu cá ở một nơi.

Thao.lượt đã đánh nghìn dặm búa ;
Giang sơn tóm rốc một tay phăng.
Xưa nay cũng một dòng sông Vị, (1)
Mơ tưởng xe Châu biểng nói rằng.



Lỗi phải thây ai, chẳng lụy cầu.
Sao băng thong thả một cần câu.
Dòng ngân thả lưới dầu trưa sớm ;
Đáy bích giềng tờ mặc tóm thâu.
Dựa bãi Nghiêm-Lăng chờ bĩ thái,
Neo gành Lã-Vọng nhấp công hẫu.
Giang-sơn thế để mình là thơ,
Sanh sát quyền ta thế biết đâu.

14.— CẨM HOÀI

Cõi Nam chung hưởng hội thăng bình,
Trời đất gây nên cuộc chiến-tranh.
Xe ngựa nhộn nhàng xe ngựa khách,
Nước non vun quén nước non mình.
Những trang dụng-thể đánh ngor mặt,
Mấy gã trung quân nỡ phụ tình.
Bao thuở đem về cơ nhất-thống ?
Ngàn thu ~~bia~~ tạc đứng trung trinh.



(1) Sông Vị, chỗ ông Lã-Vọng (Khương-tử-Nha) ngồi
câu cá ngày xưa.

Trung trinh dốc trọn đạo tôi dân,
Nàn khồ xưa nay biết mấy lần.
Ở Hán giốc lòng phò vạc Hán ;
Oán Tần ra sức đuổi hươu Tần.
Nhìn Nam chạnh tui cảnh hoa ủ,
Ngó Bắc ngùi thương đám bạch-vân.
Cái nợ tang-bồng than thở phận,
Đành đem đậm đậm giữa phong trần.



Phong-trần lắm lúc luống sầu riêng,
Biết mượn tay ai gỡ mối phiền.
Áo mũ ba đời ơn rất trọng,
Can qua một cuộc nghĩa chưa tuyển.
Trớ trêu con tạo lòng da sảo,
Tráo trớ anh-hùng buổi thiếu niên.
Phất phới bụi hồng đã trải dấu,
Tâm tình chịu uốn thú hàn huyên ;



Hàn-huyên nghĩ phận, luống bâng khuâng,
Tình cảnh xem quả lê ngập ngừng.
Roi vọt dứt dòng chưa phải vận ;
Dây oan rồi mối hãi lo chừng.
Nỗi nghe tiếng loạn đem tai rửa ;
Đành thấy thằng gian đề mắt trừng.
Mấy mặt anh-hùng sao nép dấu,
Vạc nghiêng há đám một tay nâng.



Tay nâng há dán một mình đây,
Kẻ Bắc người Nam bắn dạ này.
Thé-sự băng xăng cờ tung nước,
Nhân tình tráo chác gió rung cây.
Giao hòa bởi sóng mưu mò cạn,
Cắt đất nên kiên chí lực dày.
Uớm hỏi những người trên đất Việt,
Tâm lòng thiết-thạch há như vậy ?



Như vậy trung nghĩa bấy lâu nay,
Dẫu những người xưa cũng sánh tay.
Trưởng vải lai rai cơn gió thổi,
Cành thu hiu hắt hạt mưa bay.
Sông sâu sóng cả thuyền câu dập ;
Đồng rộng hùm sa lũ chó vây.
Kìa nước nợ non, cờ cuộc thế,
Đầy vời tròn khuyết có sai vay.



Sai vay cũng bởi cuộc phân băng,
Quỉ dự nhân vì lúc ái tăng.
Gió bụi trăm chiều quen mặt cũ,
Đá bia một tiết giữ lòng hằng.
Hòn-Nghé gọi chút tình mây nước,
Bến-Nghé buồn riêng phân cổ sảng.
Cung kiếm cầm thư cam hồ phản,
Sao cho tỏ rạng bậc tài-năng,



Tài nǎng chí đó khéo trêu người,
Cái phận nam-nhi luống nực cười.
Ngược đậu xuôi đi hiềm thế nước,
Sáu dăm cạn vén thuận tình đời.
Quan san dăm thẳng đường liền bước,
Tùng cúc vươn xưa cảnh nhớ người.
Tạo-hoa một bầu xoay khí vận,
Đông qua xuân lại trở mầu tươi.



Mầu tươi sắc tốt dám se sua.
Giàu cũng không khoe khó chẳng du."
Mấy kỷ tuyết sương bền chí trẻ.
Chín từng mưa móc gọi ơn vua.
Thủy-lưu xa ruồi ngoài ngàn dặm,
Tòng bá cao xây giữa bốn mùa.
Lời sàng nét cao tùy thuở biển,
Mặc người lười múa lại môi khua.



Môi khua khéo học dạng cầu vinh,
Tiêu trưởng (1) cơ trời dễ dám khinh.
Ấn hổ xa ban miền Bắc-khuyết,
Cờ chiên (2) an dẹp mé Nam-minh.

(1) Tiêu-trưởng là hao mòn và lớn lên, ý nói về lúc
thịnh lục suy.

(2) Cờ chiêu túc là cờ an-ninh, thứ cờ kêu gọi dân-chúng
hãy trở về quy thuận.

Trăm năm bởi gặp khi nguy biễn,
Bốn biển chưa gác cuộc diêm tình.
Nhà nước một mai xoay vận thái,
Cõi Nam chung hưởng hội thăng bình.

Đi đôi với những bài thơ Quốc-âm trên, ông Phan-văn-Trị còn có một câu đối bằng Hán-văn để lại được nhiều người nhắc đến là câu điếu ông Nguyễn-văn-Vĩnh cai-tổng ở Định-bảo có công trong việc dẹp loạn, được triều-đình phong chức quản-cơ, bị bọn Võ-bình-Sâm dãy loạn giết chết năm Định-mão (1867).

Võ kiếm xung thiên, Ba-láng giang đầu lưu hận huyết.

Văn tinh lạc địa, Trà-niền thôn lý đới sầu nhan

Nghĩa là :

Kiếm võ ngút trời, Ba-láng sông sâu tràn máu hận;
Sao văn sa đất, Trà - niền thôn xóm thầy sầu mang.

Ngoài những bài thơ đặc sắc, nội dung có tính chất châm biếm, nhưng không kém vẻ hùng hồn và khảng khái, biểu lộ một tâm hồn lúc nào cũng tha thiết và liên cảm đến vận mạng nước nhà, tài nghệ văn chương và tính tình khoáng đạt của ông Phan-văn-Trị

còn được thể hiện qua nhiều câu chuyện khác đáng kể là những giai-thoại trong văn-giới nước nhà :

a) Như khi chơi kinh-thành Huế, một hôm cùng mấy người bạn ở Đế-dô đi ngắm cảnh sông Hương, thấy người mò ốc nồi lèn, rong xáy bám cùng mình, ông Cử liền tức cảnh ngâm rằng :

*Phú quý Trường-an rong vần cõ,
Phong lưu Kinh-địa xáy đầy đầu.*

b) Như có lần, một người bạn cắc cõi bảo ông làm thử một bài thơ vịnh «Tứ khoái». Ấy thế mà ông chẳng những đã không giận, trái lại còn ứng khẩu đoc ngay, tả được bằng 2 câu rất thanh và tài tình :

*Cơm Phiếu-Mẫu gói Trần-Đoàn, (1)
Ngủ nghiêng loạn phụng, nhẹ nhàng nương
long.*

(1) Cơm Phiếu-mẫu tức là cơm khi đói quá được ăn, tích trong Tây-hán-sử, Hán-Tín xưa nhà nghèo câu cá ở dưới thành, không đủ ăn, bà Phiếu-mẫu thấy Tín đói quá, mời gọi Tín đến để cho ăn. Cơm Phiếu-mẫu ở đây là thích nghĩa về ăn. Gối Trần-Đoàn là thích nghĩa về ngủ, vì ông này ngày xưa ngủ một giấc ở núi đến 3 năm mới dậy. Ngủ nghiêng loạn phụng là thích nghĩa về cái khoái thứ 3, còn nhẹ nhàng nương long là chỉ vào cái khoái thứ 4 vì hai chữ nương long là một tiếng thanh, một tiếng lóng của các cụ nhà Nho xưa dùng để chỉ vào hậu-môn.

c) Như một hôm trong bữa tiệc giữa các hàng khoa-mục, một ông ra đối : *Sắc nan*. Ông đáp lại : *Dung dị*. Ông bạn kia nói :

— Dung dị thì hãy đổi lại xem ?

Ông Cử trả lời :

— Thì tôi đã đổi lại rồi đó.

Ông bạn ra đối, lúc đó mới hiểu ra là ông Cử đã lấy chữ *Dung dị* để đổi lại chữ *Sắc nan* của mình, mà vừa đổi, lại vừa có ý cho câu của mình ra đối là tăm thường, vì hai chữ *Dung dị* có nghĩa là dế lầm, là tăm thường lầm.

Kế đó, lại có một ông vừa ăn quít vừa đắc ý khen :

— *Quít ngọt, quít ngọt*.

Đang gấp miếng chả ăn, nghe ông nọ lên tiếng, ông Cử liền họa lại :

— *Chả ngọt, chả ngọt*.

Câu chuyện tình cờ trở thành một câu đối, khiến mọi người trong tiệc đều cười xòa và nức nở khen hay, cho chữ *Chả ngọt* đối với *quít ngọt* thì chẳng những tuyệt diệu, mà còn có ý chê ông kia ăn quít chưa sành vị là khác.

d) Lại có một lần đi ăn tiệc say rượu về khuya, qua quãng đường vắng bị một tên trộm giựt lấy khăn

đống và chiếc áo dài khoát trên vai. Ấy thế, mà ông Cử chẳng những đã không truy hô, khi thấy nó chạy còn kêu lại ném luôn cho cả dù và giầy bảo :

— Cho chú cả đó, để đủ bộ mà đi diện với đời.

Nói rồi ông đi thẳng. Có lẽ cù-chỉ ấy đã làm tên trộm phải suy nghĩ, rồi sau hẵn biết ông là Cử Trị; cách ít hôm, một buổi sáng, người nhà ông thức dậy, đã thấy tất cả những vật bị mất đều đem đến bỏ tại trước hè để trả lại.

đ) Những giai thoại về ông kể ra còn nhiều. Nhưng lý thú và lịch-sử hơn hết là chuyện văn chương với tên Tông-đốc Trần-bá-Lộc. Số tên là phản-quốc này từ lâu vẫn nghe danh ông là người cứng cổ, không hề sợ một ai, thường hay dùng thi văn để đả kích những người đi ra làm việc cho chánh-phủ Tân-trào, mà đả kích ra mặt, chứ không quanh co úp mở gì. Y ta nghĩ tức, nên khi quân Pháp bình định được 6 tỉnh miền Nam, một bùa nợ, nhân đi có việc xuống Vĩnh-long, y liền cho lính đến mời ông lên nói :

— Nghe đồn ông làm thơ hay lắm, vậy tới đây ông hãy xuất khẩu làm một bài nghe thử xem được không, nếu không thì đây đã có luật-phép của chánh-phủ.

Ông trả lời :

— Quan lớn muốn tôi ứng khẩu làm, thì cứ việc
ra cho đầu-dề.

Sẵn tính lưu manh của kẻ mất dạy trong cung mình,
nên nghe thế, tên Lộc liền trăng trợn nói :

— Cục cút.

Hắn tưởng với các đầu-dề tục lầu ấy là vừa đưa
ra để khinh thường ông Cử, vừa để lên mặt tự cao tự
đại, vừa cho như thế là ông Cử Phan sẽ không sao làm
được. Song vỏ quít dày đá có móng tay nhọn, tên bán
nước đá dựa vào thế giặc để lên mặt ra oai, thì đây đá có
thú vũ khí văn chương, thứ này tuy mềm nhưng nếu biết
dùng và khéo dùng, cũng có thể đậm thủng được những
lấm da mặt dày của những kẻ lòng lang dạ thú. Chính
ông Cử thật đá khéo dùng vũ-kí ấy, nên tên Lộc
vừa há họng dứt, ông ứng khẩu đọc ngay :

*Đương cơn bợn rộn ló đầu ra,
Người thấy ai mà chẳng sợ va.
Cây thế vắt lưng ngồi vít đốc,
Rồi dây sê bị chó liền tha.*

Là 4 câu vịnh đầu-dề trên, nhưng nội-dung thật
là xứng đáng với con người của Lộc. Tên này, không
biết có hiểu như thế là tả cảnh mình không, hay hiểu
mà giả đò như không biết gì đến, cho đỡ bị tiếng đồn
loang ra.

Hắn thả ông về. Câu chuyện, sau đó được truyền đi, ai ai cũng phục tài ông, và phục nhất, ở trước mặt một tên phản-động, uống máu đồng-bào không biết góm, mà ông vẫn bình tĩnh khảng khái, giữ được tư-thể và phong-độ của mình, chẳng những thế thôi, còn không bỏ lỡ cơ-hội để vạch ra ánh-sáng, cái bộ mặt thúi tha nhơ bần của kẻ xu thời tuẫn thẽ, bán nước hại dân ấy.



Qua những giai-thoại, những văn-thơ trên, thiết tưởng không cần phải nói nhiều, chúng ta cũng đã biết ông Phan-văn-Trị có tài-năng và đức-tính ra sao. Thật quả là một người kỳ-tài trong giới văn-học ở giữa buổi giao thời Pháp-Nam.

Có người thấy ông đỗ cao, nhưng ăn ở một nơi, dạy học, đi câu, và tự ví mình với Nghiêm-tử-Lăng ở đời vua Hán-quang-Vũ bên Tàu xưa, không chịu ra làm quan; rồi cho ông là người có tư-tưởng chán đời. Nhưng thực ra không phải. Ông chỉ có chán bước chân vào chốn hoạn-trường thôi với những cái bô-bô và cầu-cạnh trong đó. Chớ đối với việc chung của nước nhà, của dân-tộc, ông không chán chút nào. Tâm-hồn ông, trí não ông, lúc nào cũng dính liền với

những biến cố của thời-đại, những cảnh-ngộ của dân-tộc. Tư-tưởng ông, lập-trường ông bao giờ cũng thủy chung như nhất đứng về phía nhân-dân. Xuất thân khoa bảng, gấp lúc nước nhà bị ngoại-bang dày xéo cướp phá, ông không làm được những việc như các ông khoa-mục Đỗ-trình-Thoại, Nguyễn-hữu-Huân, Phan-đinh-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật v... Những hơn các ông khoa-mục khác ở đồng thời, ông đã dám làm vì bồn-phận, nghĩa là đã chiến đấu và công khai chiến đấu với kẻ thù của dân-tộc trên chiến-trường văn-nghệ, và đã dứt khoát đứng hẳn về chính nghĩa, về phía của nhân-dân kháng chiến, chứ không e sợ rụt rè, hoặc lung chừng thấp thỏm như một phần đông sĩ-phu khác.

Khi ông mất, có người khóc ông một bài thơ Đường-luật :

*Một đời oan chịu đã mòn hơi,
Hà huống oan oan tới chín đời.
Văn-học có thừa thương những kẻ;
Công danh chẳng toại tiếc cho người.
Dinh hứa tiêu trưởng đều nơi mạng; (1)*

(1) Dinh hứa tiêu trưởng là đầy voi, tan đi và lớn ra, ý nói về thịnh suy bĩ thái.

*Đặc táng cùng thông tượng bởi trời. (1)
Uồng dâng tài-hoa giòng thế phiệt,
Ra tuồng lưu lạc khắp nơi nơi.*

Văn-học có thừa mà công-danh chẳng toại; con người tài hoa, giòng dõi thế-phiệt mà phải chịu lưu lạc nay đây mai đó, khắp nơi vì số vận. Người ta tiếc cho ông như vậy. Nhưng thực ra, chính tài hoa ấy và sức văn-học ấy đã tạo cho ông một địa vị khá quan-trọng trên lịch-sử nước nhà, nghĩa là trong lúc quốc loạn, ông đã sử dụng được nó để đánh với kẻ thù, góp công hán-mã vào cuộc kháng-chiến của toàn dân. Cuộc bút-chiến của ông với Tôn-thợ-Tường, không ai chối cãi được rằng, đó không phải là một công-tác ở trong một giai-đoạn trên lịch-sử giải phóng dân-tộc.

Cho nên nói đến ông Phan-văn-Trị, ngoài cái danh-dự là một nhà thơ danh tiếng ở Đồng-nai, Bến-nghé, chúng ta còn phải thấy ông là một sĩ-phu yêu nước, một chiến-tướng số một trên chiến-trường văn-nghệ ở hậu bán thế-kỷ 19.

(1) Đặc táng cùng thông là được, mất, suy, hên. Hai câu này có ý nói con người ta ở đời khi bỉ khi thái, khi may khi rủi đều do số mạng nơi trời định.

III.— Giới thiệu Tôn-thọ-Tường

Là con thứ ba của một gia-dình thế-gia, vong lộc, lồ tiên trước đã có công với nhà Nguyễn, đã từng là vong-các công-thần đời Gia-long, và bốn đời liền cũng kế tiếp làm quan. Tôn-thọ-Tường theo Pháp làm quan đến chức Đốc phủ-sứ, nên đời thường gọi là Đốc-phủ Ba-Tường. (1)

Người làng Bình-dương, phủ Tân-bình, tỉnh Gia-dịnh, Tôn-thọ-Tường sinh năm Ất-dậu tức năm Minh-mệnh thứ sáu dương-lịch 1825, lớn hơn Phan-văn-Trị 5 tuổi. Thân-phụ là Tôn-thọ-Đức làm quan đến chức tuần-phủ tỉnh Thuận-khánh (Khánh-hòa — Bình-thuận), thân-mẫu là bà Lê-thị-Xuân.

Con nhà quan-lại, cũng bẩm-tính thông minh và sinh cũng gặp thời mọi việc trong nước đều được sửa sang tu chỉnh lại, nhất là về phương diện văn-học nhưng khác hơn Phan-văn-Trị, Tôn mải chơi bời phóng dâng cho đến năm 30 tuổi mới nghĩ đến việc lập công-danh.

1.— Theo ngoài Bắc thì là con thứ hai. Vì ở trong Nam, người con đầu lòng thường gọi là thứ 2, rồi đến người kế, tức người thứ 2 ngoài Bắc thì gọi là thứ 3.

Năm 15 tuổi, thân-phụ Tôn từ trần, cảnh gia đình Tôn bắt đầu từ đó mỗi đi dần vào hoàn-cảnh túng thiếu.

Năm 30 tuổi, tức năm 1855, Tôn thi hương bị hỏng, liền ra Huế, xin tập ẩm làm quan. Tôn định tìm cách tiến thân bằng việc dựa vào công-lao của ông cha. Tôn xin tập ẩm làm quan văn, nhưng triều-dinh Huế lại cho tập ẩm làm quan võ. Không được loại nguyễn, Tôn bất mãn, không nhận chức, bỏ về.

Gặp khoa hương-thí, Tôn lại vác lều chong vô trường. Nhưng thay vì để thi cho mình, Tôn lại ăn tiền, dội quyền thi cho người khác.

Việc bại lộ, Tôn bị bắt giải về kinh-trị tội. Trên đường đi, Tôn cảm cảnh nông-nỗi mình làm một bài thơ sau :

*Trải bảy mươi hai trạm tới kinh,
Bao nhiêu tân khổ, bấy nhiêu tình.
Vì nhà túng rỗi nên quyền biến ;
Phép nước rắn dê há dám khinh.
Gió bụi đất tung quen với mặt ;
Nắng mưa trời có thấu cho mình.
Chín từng cao với dầu soi xét ;
Ôn xuống may khi gặp phước linh.*

Bài thơ này được thấu tai vua Tự-đức. Nhà vua thấy Tôn người có tài, lại xét về công-lao của gia-

dình, nên chẳng những đã ân xá, còn cho Tôn 50 lượng bạc làm lô-phí trả về.

Có tiền trong túi, Tôn trả về, mở một thi-xã để cùng các bạn làng văn thơ chơi bời và xướng họa. Do đó, Tôn trở thành bạn thanh-khí với các tay học nổi tiếng ở đương-thời như Phan-hiền-Đạo, Bùi-hữu-Nghĩa, Huỳnh-mẫn-Đạt, Nguyễn-dinh-Chiêu, Phan-văn-Trị, Nguyễn-hữu-Huân v.v..

Quan tỉnh Bình-thuận là bạn đồng liêu với thân-phụ của Tôn, thấy Tôn người có tài, nên gởi thư về triều xin bổ Tôn làm Thông-phán, để giúp Tôn giải quyết sinh-kế và nhò miếng đất đó để phát triển tài năng, bước chân vào con đường công-danh sự-nghiệp. Nhưng đề-nghị ấy bị bộ Lại bác bỏ vì lẽ Tôn là giòng dõi thế-phệ, là người tài hoa, nhưng đã phạm phải thành-tích bất hảo mới rồi ở trong kỳ thi Hương.

Bị thất bại về việc này, Tôn lại chừa thêm một bất-mẫn nữa ở trong người. Vật cùng tắc biến, những bất-mẫn ấy lâu ngày chồng chất, lại ở một con người bản-tính ăn chơi phóng dâng không chừa được, nên khiến Tôn ngày càng phẫn uất, và những, phẫn uất ấy đì dàn tới những hành-động không được tốt-dep gì cho thân-thể và sự-nghiệp của mình.

Năm 1862, sau khi bắt buộc được triều đình Huế

phải ký nhượng 3 tỉnh miền Đông-Nam-Việt, để mua chuộc lòng dân, người Pháp kêu gọi các văn-thân và sĩ-tử ra giúp việc cho chúng. Nhưng trong hàng ngũ các văn-thân và sĩ-tử ở miền Nam lúc đó chỉ có 2 người nghe theo tiếng gọi ấy là Tôn và một người nữa là tiến-sĩ Phan-hiền-Đạo, nhưng ông này sau hồi hận, trở về quê nhà tại làng Vĩnh-kim-đông (Chợ-giữa, Mỹ-tho) uống thuốc độc tự tử. Chỉ còn lại có mình Tôn.

Tôn được người Pháp trọng dụng, được bổ nhiệm làm Tri phủ Tân-bình. Năm ấy Tôn 37 tuổi. Tôn tự cho như thế là rồng mây gặp hội, là thức thời vụ. Nhưng người Pháp tín nhiệm Tôn bao nhiêu thì trái lại các sĩ-phu hối đó, oán ghét Tôn bấy nhiêu. Cái thi-xá của Tôn lập ra cũng tan rã từ đó vì dưới mắt của các hàng văn-thân và sĩ-tử đương thời, Tôn đã trở thành một con người có tội với quốc-dân, nghĩa là Tôn đã xóa bỏ cả luân-lhường, đạo-lý của gia-phong, và thánh hiền đã dạy, nghĩa là Tôn đã đi ra phản lại đồng-bào.

Vào khoảng đầu năm 1863, Tôn vâng lệnh của tướng giặc là Bonard viết thư khuyên ông Thủ-khoa-Huân, người cầm đầu Nghĩa-quân kháng chiến ở Mỹ-tho, nên hạ khí giới, về cộng tác với chánh-phủ Tân-trào. Kết quả, chẳng những không thành, Tôn còn bị

ông Thủ-khoa trả lời mắng lại, cho những hành động của Tôn là vô quân, vô phụ, đã đem mình đi làm tay sai cho giặc, không biết lấy thế làm nhục nhã cho danh-giá của con người Nho-học, lại muốn lôi kéo thêm những người khác đi vào một con đường bất chính.

Tháng 6 năm ấy, phái-bộ Phan-thanh-Giản đáp tàu Écho của Pháp từ ngoài Đà-nẵng vào Saigon để sang tàu Européen đi Pháp điều-dịnh xin chuộc lại 3 tỉnh miền Đông. Cùng với Trương-vĩnh-Ký, Tôn được người Pháp chọn làm thuộc viên đi theo sứ-bộ ấy. Trên đường theo sứ-bộ, Tôn có làm bài thơ túc cảnh :

*Múa gươm quăng chén cất mình đi,
Bịn rịn đâu màng thói nũ-nhi.*

*Mây khói một mầu thuyền thoát thoát,
Biển trời muôn dặm ráu tì tì.*

Phượng xa xe ngựa lừa khi đến.

Nước cũ non sòng ngóng lúc về.

Tên cỏ cung dâu là chí trẻ,

Danh mà chi đó lợi mà chi?

Năm 1867, các tỉnh miền Tây bị lọt vào tay Pháp. Kinh lược-sứ Phan-thanh-Giản uống thuốc độc tự tử. Cách ít tháng sau, 2 người con trai cụ là Phan-Tôn, Phan-Liêm tụ hợp Nghĩa-quân nổi lên đánh Pháp ở các tỉnh Bến-tre, Trà-vinh, Vĩnh-long, Sa-déc. Tôn được tướng giặc De la Grandière sai đi dụ hàng. Nhưng việc ấy không thành.

Năm 1868, ông Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa & Cần-thơ bị Pháp bắt giải về Gia-dịnh, vì nghi có nhúng tay vào việc khởi-nghĩa của văn-thân ở các tỉnh miền Tây. Cùng với tổng-đốc Đỗ-hữu-Phương, Tôn can thiệp với nhà binh Pháp xin tha cho ông Bùi. Việc này có kết-quả, Tôn được ông Thủ-khoa đáp ơn bằng một bài thơ sau :

Cửa rồng mừng đăng một phen lên,
Trân trọng cầm bằng khách bức trên.
Mặt mũi chẳng từng non nước lợ,
Râu mày sánh với ruộng vuờn quen.
Riêng vui máy trắng hiềm khôn lăng,
Chung đội trời xanh dẽ dám quên,
Người, tờ hãy còn khi gấp gỡ,
Dặn lòng vàng đá hời cho bền.

Sau khi đặt được bộ máy cai-trị ở các tỉnh miền Nam, người Pháp thăng Tôn lên chức Đốc phủ-sứ, và cử vào dạy Hán-văn trường Hậu-bồ (Collège des Stagiaires). Năm ấy là năm 1871. Ba năm sau tức năm 1875, Tôn được cử ra giúp việc cho Lãnh-sự Pháp ở Hà-nội là De la Kergaradec. Rồi đến năm 1877 tức năm Tự-đức thứ 30, Tôn bị bệnh rét rung chết ở ngoài đó. Thi-thể của Tôn được người Pháp nhớ công lao, cho đem xuống tàu chở về táng tại quê nhà, nay thuộc làng Phú-nhuận, huyện Tân-bình tỉnh Gia-dịnh.

Tôn hưởng thọ được 52 tuổi.

Cuộc đời của Tôn không có gì đặc sắc cả về tiếng thơm lẫn tiếng xấu. Nhưng còn được tên tuổi để lại đến bây giờ là do cuộc bút chiến giữa Tôn với một số các văn-thân, sĩ-lữ đương thời, nhất là với ông Phan-văn Trị, người đã thắng thắn và mạnh bạo lên án những tư tưởng và hành-động của Tôn, mà trong cuộc bút-chiến lịch sử này, chính Tôn là người đã gây ra.

Bình sinh, Tôn thích làm thơ và làm cũng khá nhiều. Ngoài những bài trong cuộc bút-chiến và những bài đã nói trên, trong văn-học-sử nước nhà, người ta còn thấy có bài sau này của Tôn.

I.— NÚI VỌNG-PHÚ

*Hình đá ai đem đặt biển Đông,
In hình nhí-nữ, dạng ngồi trông.
Da dồi phấn tuyêt phơi mầu trắng,
Tóc gội dầu mưa giữ bụi hồng.
Ngày ngầm gương ô soi đáy nước ;
Đêm cài lượt thỏ chải trên không,
Đến nay tuổi đã bao nhiêu hử ?
Trạc trạc bến gan chẳng lấy chồng.*

2.— CHÙA CÂY MAI

*Đau đớn cho mai cách dưới đèo,
Mười phần trong sạch phận cheo leo.
Sương in tuyêt đóng hành thưa thớt.
Xuân đến thu về sải quanh hiu.
Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xe.*

Tò le kèn lạ mặt trời chiều.
Những tay rượu thánh, thơ thần cũ,
Trong cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu,

3.— TÀH GẶP CỘP, CHẮNG THÀ GẶP BẠN

Kết lũ năm ba bạn cặp kè,
Duyên đâu giải cầu kéo thè be.
Đã bưng bit mặt cùng trời đất,
Sao hổ hang lòng với ngựa xe.
Trẻ lần thần đạo qua đàng liễu,
Già bơ vơ ở dưới cội hoè.
Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ,
Hùm dữ non cao cung chẳng thè.

4.— BÌ GIÀ ĐI TU

Chày kinh chọt tinh giác Vu-san,
Mái tóc kim sinh nõa trắng vàng.
Đài kinh biếng soi màu phẩn lạt,
Cửa không đành gởi cái xuân tàn.
Chanh niềm hoa liễu vài câu kệ ;
An cảnh tang du một chữ nhàn.
Ngảnh lại lâu xanh thương những kẻ.
Trầm luân chưa thoát nợ hồng-nhan.

5.— GỎI TÌNH NHÂN

Vườn xuân vắng chủ lâu tinh mai.
Bướm cũ hoa xưa lụa ép nài.
Lời hẹn đã đành chờ kiếp khác,
Gió trắng quen khách e nhiều nỗi,

Dinh sắt rèn lòng dẽ mẩy ai.
Gành gỗ gòm cho tay tạo-hóa ;
Phanh phui nén nỗi sặc xa tài.

6.— VỊNH THỦY-KIỀU

Mười mẩy nán trời nhục trả xong,
Sông Tiền-dường đục hóa nên trong.
Mảnh duyên bình lăng còn nong nả.
Chút phận tang thương lắm ngại ngùng.
Chữ hiếu ít nhiều trời đất biết,
Mảnh tình nồng nhẹ chị em chung.
Soi gương thiên-cố thương mà trách,
Chẳng trách chi Kiều, trách hóa-công.

7.— KHÓC ĐẦU HẠNG-VƯƠNG (1)

Trăm hai non nước-một gươm thản, (2)
Hết giận thời mà khóc cố-nhân.
Con mắt bốn người nhìn với mắt, (3)
Cái thân lái thước túi bao thân.

(1) Hạng-Vương tức là Hạng-Võ, người cùng với Lưu-Bang khởi nghĩa đánh phá được nhà Tần. Sau 2 người trở lại tranh nhau. Cuối cùng Hạng-Vương thua tự-tử. Thủ-cấp Hạng Vương đưa người cắt đem nộp cho Lưu-Bang. Khi nhìn thấy đầu Hạng-Vương, Lưu-Bang nhớ lại cảnh ngày xưa cùng kết nghĩa anh em, nên bùi ngùi cảm động và sa nước mắt khóc.

(2) Trăm hai non nước là địa-thế đất Quan-trung, kinh-dânh nhà Tần đóng. Nơi này rất hiểm yếu, hai người ở trong có thể đánh lại một trăm người ở ngoài.

(3) Hạng-Vương, người mình cao 8 thước (thước Tàu xưa) và mỗi mắt có 2 con ngươi.

Bát canh Quảng-võ ơn còn nhớ, (1)
Chén rượu Hồng-môn lệ khó ngăn. (2)
Nước mắt anh-hùng lau chǎng ráo,
Mặc ai rǎng giả, mặc ai chân.

Bài thứ 7 này, theo ông Nhất-Tâm tác-giả quyển Phan-văn-Trị do nhà xuất-bản T. V. mới xuất-bản gần đây thì đó là thơ của Tôn làm để khóc Phan-văn-Trị, khi được tin ông này tạ thế. Nhưng xét lại không đúng, vì năm Tôn mất là năm 1877, còn năm ông Phan tạ thế là năm 1910. Như thế là Tôn đã chết trước 33 năm kia rồi. Còn đâu mà làm thơ để khóc.

Những bài thơ của Tôn tuy nội-dung không được sâu sắc và mạnh mẽ bằng của Phan-văn-Trị. Nhưng về phương diện nghệ-thuật, không kém phần diệu luyến chải chuốt.

Đọc những tác-phẩm trên, chúng ta thấy rõ Tôn là một người tài hoa nho nhã. Nhưng tiếc thay, với tài-hoa ấy, Tôn lại dì ra phục vụ cho một cuộc chiến-tranh

(1) Khi đánh nhau, Hạng-Vương bắt sống được cha của Lưu-Bang là Thái-công, giam ở Quảng-võ, rồi cho người đưa tin bắt Lưu-Bang phải trả đất, nếu không, sẽ giết nấu canh. Lưu-Bang trả lời, mày với tao 2 đứa là anh em, cha tao là cha mày, vậy mày có muốn nấu canh thì cứ nấu. Hạng-Vương cả giận toan nấu, nhưng nhờ có Hạng-Bá là chú ruột khuyên can nên thôi, và sau đó lại thả cho ra về.

(2) Hồng-môn là chỗ khi đánh Tần xong, Hạng-Vương và Lưu-Bang cùng dự yến ở đó, để giàn xếp sự bất hòa giữa nhau.

phi nghĩa. Giả phả Tôn đứng về phe chánh-nghĩa, phe của nhân-dân, thì tài-hoa ấy của Tôn còn được nẩy nở biết là bao, cũng như thân-thế và sự-nghiệp của Tôn cũng sẽ do đó mà tiếng thơm muôn đời.

Ngược lại, không thể. Giữa lúc đất nước bị xâm lăng dày xéo, nhân dân nỗi dậy ; là một sĩ-phu, Tôn đã không thực sự thông cảm được những đau khổ của đồng-bào, tang tóc của non song, trái lại còn nỗi giáo thêm cho lũ quân cướp nước. Đối với kẻ thù không đội trời chung của dân-tộc, Tôn đã không đủ nghị-lực và tinh-thần để lướt mọi cực khổ gian nguy, tiến lên làm tròn nghĩa-vụ người dân nước, trái lại thừa lúc loạn, Tôn xuất đầu lộ diện đi ra theo giặc để mưu ích lợi riêng trong khi cả nước đương soi lên vì ý chí giết giặc

Tư-tưởng của Tôn đã thể hiện bằng hành-động rõ rệt như thế, trách sao, các sĩ-phu hồi đó không khỏi đánh thấp giá-trị con người Tôn.

Tục truyền, khi được làm quan ở Saigon, có một buổi chiều nọ Tôn ngồi xe song-mã đi dạo chơi thành-phố. Tới chỗ Bồn-kèn tức góc hằng Charner bây giờ, Tôn thấy ông Cử Huỳnh-mẫn-Đạt, nguyên tuần-phủ Hà-liên đang đứng ở ven đường xem lính đánh kèn, Tôn vội vàng dừng xe bước xuống.

Thấy Tôn ở得很 xa đi tới, ông Huỳnh muốn tránh không cho Tôn gặp mặt, nên nép lại gốc cây, kéo sụp cái nón đang đội trên đầu xuống. Tôn nhìn thấy

biết là ông Cử muốn tránh mình vì mình ra làm quan với Pháp. Nhưng cũng bước lại chào. Ông Huỳnh-mẫn-Đạt không tránh được, nên ngâm một bài thơ tức cảnh :

Cửu mǎ năm ba dạo cắp kè ;
Duyên đâu giải cẩu khéo đè ne
Đã cam bít mặt cùng trời đất.
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.
Hòn hở trẻ đồng đường dặm liêu,
Lời thơ già núp cội cây hoè.
Sự đời thấy vạy thì hay vây,
Thà ẩn non cao chảng biết nghe.

Với 8 câu thơ này, ông Huỳnh có ý châm biếm sự vinh-hoa phú-quý của Tôn. Nghe xong, Tôn liền đáp lại cũng bằng 8 câu sau để bày tỏ nỗi tâm sự đau khổ của mình :

Tình cờ gặp gỡ bạn tiễn liêu ;
Thi phú ngâm nga hừng gió chiều.
Thế cuộc đời đời càng lầm lầm ;
Thiên-cơ mầu nhiệm hãy nhiều nhiều,
Nước non đường ấy, tình đường ấy,
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.
Hãm hở nhạc Tây hơi trỗi mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu thiều.

Nghe xong, ông Huỳnh lại đọc luôn bài nữa, tỏ ý không muốn gặp mặt Tôn, không muốn nghe những lời

bịen bạch nhảm tai mãi của Tôn, và mỉa - mai Tôn là
một kẻ đồi dời, tư-cách không được bằng giỗ nát :

*Ngoài tai phải, quấy vẫn nhảm nghe,
Cuộc lợi đường danh ôi giọng ve.
Hờn hở trẻ giọng qua dặm liêu,
Thần thơ già núp cội cây hoè.
Đã ham giấu mặt cung non nước,
Đâu dám nghiêng mình với ngựa xe.
Chớ nói đồi dời, sao cốt-cách ?
Xưa nay nát giỗ vẫn còn tre.*

Tôn nghe bài thơ ấy, nghĩ lại càng đau lòng, càng
tủi cho thân phận, và thầm trách anh em bạn bè sao đổi
với mình lại quá đỗi như vậy. Vì thế, nên sau đó, Tôn
mới có bài thơ *Thà gấp cọp, chẳng thả gấp ban* như
trên kia đã chép.

Ông Huỳnh-mẫn-Đạt gấp Tôn thì muốn tránh đi
cho rảnh mắt. Còn đối với Nguyễn-dinh-Chiều thì Tôn
gởi quà và tiền đến để biếuặng giúp cảnh gia đình cũ
đương lâm vào hoàn-cảnh túng bấn, nhưng cụ nhất định
không chịu nhận. Có lần, Tôn gởi một hũ mắm, kèm
theo một bức tâm-thơ nói của vợ làm ra gởi biếu,
tha thiết yêu cầu nhận. Cụ Nguyễn-dinh-Chiều bằng
lòng. Nhưng khi ăn xong, người nhà cho biết dưới đáy
có vàng, cụ liền sai trả lại, và viết thơ trách Tôn sao đã
làm nhục đến thanh-danh của mình như vậy.

Tôn mặc dầu là một người theo Pháp bị anh em bè bạn khinh ghét, hết người này công kích, đến người kia đả phá. Nhưng trước sau Tôn vẫn giữ một lòng đối xử lại rất tốt, không hề dựa vào quyền-thể, để lên mặt.

Bị anh em chê bai chừng nào thì Tôn lại tự mình cố gắng để thành minh và bào chữa, chứ không dựa vào oai hùm để đổi lại như bè lũ tiểu-nhân khi đắc thế gặp thời. Cũng như đối với đồng-bào, mặc dù là theo Pháp, nhưng Tôn không có hành - động dã man như bọn Huỳnh - công - Tấn, Triết - bá - Lộc, Nguyễn - Thành, Hoàng-cao-Khai, Đỗ-hữu-Phương vân vân...

Tôn theo Pháp, ở trước dư-luận, Tôn cố bào chữa cho việc làm của mình là ngộ biến lòng quyền. Nhưng thực ra, đó chỉ là một luận-điệu đưa ra để đánh trống lấp đi những hành-vi không tốt của mình. Vì đối với hoàn-cảnh xã-hội lúc đó, sự ra làm việc với người Pháp Tôn muốn hay không, là tự ý, ngoài ra không có một sự gì ép buộc hay giáng thúc chí hết.

Còn nói rằng thế nước lúc đó, đã không thể gõ được như cờ gấp nước bí, nên Tôn phải ra làm với Pháp để thực hành ý định thì đó lại càng là không đúng. Khi Tôn xuất đầu lộ diện ra làm việc cho cái chánh-phủ gọi là Tân-Trào, lúc đó người Pháp mới lấy được 3 tỉnh miền Đông. Lực-lượng của Pháp khi ấy có hùng hậu. Nhưng lực-lượng của ta chưa đã đến nỗi phải

hoàn toàn thất bại. Các tỉnh miền Tây vẫn còn, triều-dinh vẫn còn, các tỉnh ngoài Trung Bắc vẫn còn, và các cuộc nổi dậy của Nghĩa-quân vẫn còn mạnh, còn làm cho quân Pháp phải nhiều phen thất bại khá nặng, khiến Thống-tướng giặc là Bonard phải liên tiếp gởi thư về Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ-lam yêu cầu nên tìm cách nghị hòa, chứ không nên theo đuổi một cuộc chiến-tranh xa xôi và mạo hiểm. Như thế nghĩa là thế cờ của Việt-nam lúc đó vẫn còn nhiều hy-vọng chiến-thắng và chắc thắng, nếu Triều-dinh biết sáng suốt nhận định tình thế, và kịp thời sửa đổi chính-sách, chủ-trương một đường hoạt-động mới cả về quân-sự lẫn chánh-trị.

Có người bảo Tôn sở dĩ phải ra làm việc với người Pháp như thế là để giải quyết vấn-dề sinh sống của gia-dinh. Nhưng gia-dinh Tôn mặc dù lúc đó bị lâm vào túng thiếu, nhưng cái túng thiếu ấy vẫn chưa đến nỗi phải bắt buộc Tôn đi ra hàng giặc mới tìm được phương-kế giải quyết. Vả chăng nếu thực việc đó là một động-cơ chính-thúc đầy những hành-động của Tôn thì đó chỉ là một công việc tạm thời. Có chi Tôn lại theo Pháp cho đến cùng, cho đến ngày tắt thở mới thôi. Ngay đến việc tự tử của ông Phan-hiền-Đạo như trên kia chúng tôi đã nói, Tôn cùng cầm bằng như không thấy hối-hận gì ráo. Nếu có trước cái chết của người đồng-thuyền đồng-hội ấy, Tôn đã rút lui không còn làm việc che giặc nữa.

Còn có người nói việc làm của Tôn là một hành-vi vượt hẳn ra ngoài phạm-vi, của luật lệ Nho-giáo. Và hành-vi ấy của Tôn là yêu nước, là muốn tìm một phương khác để một là thực hiện ý định, hai là để mưu hạnh-phúc cho đồng-bào. Song nếu vậy, Tôn đã bước sang một địa-hạt đạo-giáo nào rồi sao? — Nếu thế, chỉ có Nho-giáo là dạy bảo con người phải trung vua, yêu nước, phải chống với kẻ thù, và như thế là sai còn ngoại giã các đạo-giáo khác đều trái lại cả sao?

— Và thế nữa, những hành-động như của Bọn Trần-ích-Tắc xưa kia thấy giặc Nguyên mới sang đã vội đầu hàng, cũng là thức thời, là ngộ biến, và là đã thoát hẳn ra ngoài những luật-lệ của Nho-giáo đấy sao? — Cho nên phải nói những hành-động của Tôn là hành-động của kẻ đã phản bội Nho-giáo, phản bội dân-tộc, từ Tôn xóa bỏ tất cả những luân-lý ở đời, vì chính Tôn trong cuộc bút-chiến, cũng tự thú nhận rằng mình là kẻ lối đạo hăng, là kẻ đã nhảm mắt dưa chàu, gắp túng làm liều, thân còn chẳng kẽ, kẽ gì danh.

Vá chăng, để mưu hạnh-phúc cho đồng-bào, mà Tôn chủ trương theo giặc, đi ra làm việc với chúng, ngay từ lúc thế nước còn nhiều hy-vọng chuyên lại được, rồi vâng lệnh Pháp, Tôn đi dụ hàng ông Thủ-khoa Huân, các ông Phan - Tôn, Phan - Liêm, bảo hạ khí

giới, trở về với chánh-phủ « tân-trào ». Như thế, lòng yêu nước, và việc mưu hạnh-phúc cho đồng-bào của Tôn, có khác chi là đem bầy con đỗ gởi miệng cọp, rồi bảo cứ nằm yên, để cho cọp tự do hành động, chó chống lại, vô ích.

Tôn là người xuất thân trong hàng ngũ văn-thân, sĩ-tử, chắc cũng thừa hiểu những chuyện chánh, tà trên lịch-sử, ấy thế mà vẫn đi, đi mãi vào con đường bất chính. Chỗ đáng trách nhất ở Tôn, đã biết việc làm là trái, là không còn gì danh-dự nữa, mà vẫn còn mãi già mồm lên tiếng mượn cớ vì lẽ nợ lê kia, để lao mình vào chốn đường đi đầy rẫy những thúi tha nhơ bần.

Có người muốn bênh vực cho Tôn, rằng Tôn tuy theo Pháp, nhưng không có những chuyện gì ở ác với quốc-dân, và không đến nỗi quá quy lụy, làm mất nhân-phẩm. Chỗ ấy có thể tha thứ được. Nhưng trong lúc nước loạn, một người thường thôi, cũng còn có trách-nhiệm, giặc đến nhà, đàn-bà phải đánh, không tham gia, đi ẩn một nơi, còn đắc tội với quốc-gia, dân-tộc, huống chi đã không đánh, không ngăn vì không đủ nghị-lực, lại còn đi ra tiếp hơi và nối giáo cho giặc, nhất, con người ấy lại là Tôn, kẻ có học-thức, có tiếng tăm trong văn-dàn, thi-giới, chó không phải giá áo túi cơm, vai u thịt bắp gì.

Nói tóm lại, sự đi ra làm việc cho người Pháp của Tôn là một hành-động hoàn toàn do cái tư-tưởng ham danh-lợi, đói ăn vụng túng làm xăng mà ra.

Cái tư-tưởng chẳng tốt đẹp gì ấy, không phải chỉ thấy ở Tôn khi quân Pháp mới tràn sang, mới chiếm được 3 tỉnh miền Đông, mà trước đó đã bộc lộ ra ở người Tôn một cách khá rõ ràng như việc đi xin tập ấm để làm quan, đi thi mướn để lấy tiền, và đi chạy chọt để kiếm chức thông-phán.

Nếu chúng ta nhận xét kỹ, còn thấy ở Tôn, một con người tầm thường, đã ăn chơi phóng dãi không chừa, lại thiếu cả tinh-thần tự-chủ và tự lực cánh sinh, Trước sau trên bước đường sự-nghiệp, Tôn đều đi theo một ngả là cầu cạnh, lòn lỏi và ỷ lại vào một thế-lực để tìm cách tiến thân, mà ở một người có chí lớn hay có tiết-tháo không một ai chịu làm.

Tôn cho việc mình ra làm việc với nhà nước Lang-sa như thế là thức thời vụ, là sẽ được một số các bạn bè hưởng ứng. Nhưng Tôn đã tính sai nước cờ. Tôn nhìn lại trước sau trong hàng văn-thân sĩ-tử chỉ có mỗi mình và ông tiến-sĩ Phan-hiển-Đạo, song ông này đã sớm dùng chén thuốc độc ở Vinh-kim-đông để tự xử lấy mình. Còn lại, Tôn bị cô-độc, một mình phải chịu đựng lấy không biết bao nhiêu những nhát búa rìu của dư-luận.

Tôn hối bận. Nhưng trót vì tay đã nhúng chàm,
dại rồi còn biết khôn làm sao đây. Âu đành đã lỡ bước
xuống bùn, thì cho nó nhơ luôn một thê.

Vì thế, người ta cũng không lấy làm lạ gì khi mới
ra làm việc cho Pháp Tôn tò vè hăng hái :

*Mùa girom quăng chén cất mình đi,
Bịn rịn đâu màng thói nử-nhi.*

Nhưng sau đó, trong các bài thơ của Tôn, đều
chứa một nỗi niềm tâm sự chán nản và mỏi mệt, khô
héo và bế bang. Rồi đến cảnh trời chiều xế bóng, Tôn
không khỏi không chua xót ngậm ngùi cho dĩ-vãng của
mình. Nhưng biết ăn làm sao nói làm sao bây giờ. Thế
nên Tôn phải nhờ đến tạo-hóa soi xét cho lòng mình để
gián tiếp thanh minh một lần nữa cho hành-động
của mình ở trước dư-luận của đương thời, rồi kể
đó là Tôn tự phẩm bình, tự đánh giá, cho mình
không khác nào Thúy-Kiều xưa gặp con gia-biển phải
đem thân «đáng chứa nhà vàng» đi ở chốn lầu xanh,
và như người dĩ già đi tu khi nghe tiếng chày kinh,
chợt tỉnh giấc vu-sơn :

*Ngảnh lại lầu xanh thương những kẻ,
Trầm luân chưa thoát nợ hồng-nhan.*

Song như thế, Tôn lại càng không thể cứu vãn
được cho chút nào về danh-dự của mình, vì thường

hợp của Tôn đi ra làm việc cho Pháp, không phải là chuyện bắt buộc, không thể không xong như chuyện gia-biển của nàng Kiều phải bán mình mới có thể gõ được tội cha.

Còn như người đĩ già cũng vậy, người này đã tỉnh giấc Vu-sơn, đã thôi không ở lầu xanh nữa đã vào nương bóng cửa Phật rồi, sao Tôn tự ví mình như thế mà sao mái tóc kim sinh đã nửa trắng nửa vàng, Tôn không từ bỏ chỗ hự-vinh, trái lại vẫn còn đeo đuổi làm việc cho Pháp, và đã làm việc một cách thật sự, có công-lao. Nếu không bọn xâm-lược Pháp đâu có dại gì thăng chức Đốc-phủ-sứ cho Tôn, cử Tôn vào dạy trường hậu-bồ, đưa Tôn đi giúp việc cho tòa lãnh-sự ở Hà-nội, và đến khi Tôn nhắm mắt lại cho đem xác xuống tàu để đưa về Gia-dịnh mai táng, mặc dù việc này bon thực-dân có ăn một thủ-doạn chánh-trị trong đó, để tác động tinh-thần những người Việt-nam đang sống và làm việc cho chúng.

IV.— So sánh giữa hai người

Phan-văn-Trị và Tôn-tho-Tường là hai người cùng thời và cùng nổi tiếng trên thi-dàn của đất nước miền Nam ở hậu bán thế kỷ 19. Cả hai cùng con nhà trâm anh thế phiệt.

Họ Phan thì :

Áo mũ ba đời ơn rất trọng.

Họ Tôn thì :

Bến đời chung đợi ơn nuôi dưỡng.

Cả hai đều cùng túng thiếu và cùng bất mãn về công-danh sự-nghiệp.

Họ Phan thì vì tính kiêu ngạo của người có danh-vọng hiền đạt nhưng còn ở tuổi mới lớn lên, nên không được cù kinh-lược-sứ tiến cử vào con đường hoạn-bộ.

Họ Tôn thì rót khoa hương-thí, kể xin tập ấm không được như ý nguyện, bỏ về, rồi đi thi mướn lấy tiền, việc bị bại lộ, phải bắt giải về kinh. Tiếp đó lại xin làm chúc thông-phán, một chức rất nhỏ mà cũng không được bộ Lại chuẩn y cho.

Cả hai đều cùng bất mãn. Nhưng cái bất mãn của Phan là đáng bất mãn hơn, vì Phan là một người dỗ cao, năng-lực của Phan đã được thử lửa,

và đã có đủ điều-kiện để bước chân ra làm việc nước nhà. Ấy thế mà kết-quả khiến Phan phải chán ngán rồi dứt khoát hẳn, Phan không màn bước chân vào vòng danh-lợi nữa. Với chân khoa-mục như vậy, Phan phải đi ăn một nơi, dạy học, làm thuốc, đi câu, tự lực cánh sinh để nuôi tâm dưỡng tánh, làm một kẻ sĩ khoáng đạt ở đương thời :

Lỗi phải thay ai, lụy chẳng cầu.

Tôn cũng bất mãn. Song những bất mãn xét ra không đáng một chút nào. Những chuyện xảy ra làm cản trở bước thang mây của Tôn là do tự noi mình, không phải ở triều-dinh. Riêng việc ăn tiền đi thi mướn, Tôn đã làm một chuyện hết sức là tham ô ám muội. Việc ấy, lý ra Tôn phải tội nặng. Nhưng triều-dinh lại khoan hồng, xét theo hoàn-cảnh rồi tha, và nhà vua cho thêm tiền tới 50 lạng bạc để về. Việc này, đáng lẽ Tôn phải minh tâm khắc cốt. Ấy thế mà Tôn lại chẳng tu tỉnh, chẳng làm được gì cho ích nước lợi dân, hoặc để kéo lại danh dự mình, trái lại còn nuôi những bực tức trong lòng, rồi chồng chất từ cái này đến cái kia, dùng một cái, khi quân Pháp đặt tròng nô lệ lên 3 tỉnh miền Đông, Tôn là một sĩ-phu, trước hòn ai hết đi ra làm việc cho kẻ đã dày xéo non sông và tàn sát đồng bào. Bất mãn với công danh, sự nghiệp, với triều đình, Tôn bỗng trở thành một người bất mãn luôn cả

với quốc-gia, dân tộc. Đọc qua bài thơ lúc cảnh khi cùng Trương-vĩnh-ký được Pháp chọn làm thuộc-viên theo sứ bộ đi Tây, chúng ta thấy ở Tôn không có một chút nghĩ gì về vận mạng nước nhà, hơn thế nữa, Tôn đã tự mãn với chức của người Pháp ban cho, và tỏ ra rất dắc chí ở trong chuyến đi này.

Họ Phan cũng bất mãn. Nhưng khác hơn Tôn, Phan là người có tánh tình khảng khái, không chịu cầu lạy và luôn cúi, nên cái bất mãn của Phan không sâu sắc và đến nỗi chồng chất như Tôn. Đồng thời cũng khác hơn Tôn, Phan chỉ có bất mãn về bước hoạn-trường thôi, còn đối với việc lớn nước nhà, lúc nào cũng canh cánh bên lòng, dù Phan có lúc đã chủ-trương tiêu cực, muốn gác ra ngoài tai tất cả những chuyện khó khăn ở trên đời :

*Dựa bối Nghiêm-Lăng chờ bĩ thái
Neo gành Lã-Vọng nhấp công hẫu.*

Phan chẳng những hơn Tôn mà còn hơn nhiều sĩ-phu khác ở đương thời là gấp lúc loạn, Phan đã gác hẳn được cái bất-mãn của mình ra để chủ tâm theo dõi thế-cuộc, và hòa lòng với những biến-cố của dân tộc.... Đặt biệt hơn nữa, trong cảnh-ngộ nào họ Phan cũng giữ vững lập-trường, bảo vệ nhân-cách, không bị nhơ danh vì cẩn bã xã-hội nổi lên ở giữa lúc giao thời xáo trộn. Trước sau không một lúc nào tâm hồn bị giao động và đưa đẩy bởi những biến-cố

của thời-đại, nhất là trước sức vũ-kí và binh lực của Pháp mà Tôn đã bị quan, đã sợ hãi, đã thối chí, tuyệt vọng ngay từ lúc buổi đầu, rồi đi đến chỗ là cầm bằng không vững, phá tan cả uy-tín và danh-dự một đời.

Nếu đem so sánh về hoàn-cảnh gia-dình ở giữa hai người thì hoàn-cảnh của Phan còn nghèo hơn của Tôn. Xem đó đủ thấy những lý do Tôn đưa ra bào chữa cho đường lối xuất xứ là cả một sự gượng gạo lúng túng, không thật với tư-tưởng của mình.

Có người nói chúng ta không nên chấp, vì những hành động của Tôn là do ở tình thế tạo ra. Nhưng thế là sai, là tư-tưởng đầu hàng hoàn-cảnh, gió chiều nào theo chiều ấy. Cái tư-tưởng ấy không nên có bất cứ ở trong một hạng người thuộc giai-cấp nào và trong một thời-đại nào, một hoàn-cảnh quốc-gia, xã-hội nào, vì nó là một thứ tư-tưởng xấu xa, làm ngăn cản một phần lớn cho bước tiến của loài người mà bất cứ ở đâu, thời-gian nào, lịch sử không trước thì sau cũng phải lên án những con người như thế. Trương-hoàng-Phạm đời Tống bên Tàu, Trần-di-Ái đời Trần nước ta, Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-Thân thời Nguyễn mạt, Uông-tinh-vệ, Trần-công-Bác, Laval, Pétain, những tên bù nhìn phát-xít trong trận thế-giới chiến-tranh vừa qua cũng là những hạng người mang trong đầu có những thứ tư-tưởng không tốt đẹp gì ấy. Ta không thể nào bênh vực

cho họ là do ở tình-thể xui nên như vậy được. Bọn kẻ cắp lấy vàng giữa chợ trước pháp-luật còn không thể dỗ lối cho hoàn-cảnh vì đói khô phải đi làm bậy, huống chi là những người, lòng tham đến đi theo giặc để cầu lấy hưu-vinh, và đi ăn trộm cả nước để đem dâng cho chúng.

Cho nên so sánh giữa hai người, chúng ta ngày nay còn thấy rõ thêm, con người ở đời phải có tư-cách và đạo đức làm đầu. Không có điểm này, dù có tài mẩy, cũng chẳng những không thành được hữu dụng trái lại còn làm hại cho cả quốc-gia và dân-tộc. Một con người tài hoa như Tôn-thọ-Tường giá biết trau dồi đạo-đức, biết tu tâm dưỡng tính, biết sớm bỏ thói ăn chơi phóng đãng, liều lĩnh, chiến thắng được hoàn-cảnh bản thân, đừng để bị hưu-vinh lôi cuốn vào bùn lầy, gai góc, đâu đến nỗi phải mang tiền ở đời là bất chính, phi nghĩa, không bao giờ có thể rửa sạch được.

Vì thế, ngoài bài học của cuộc bút-chiến ra, trong việc so sánh giữa Phan-văn-Trị và Tôn-thọ-Tường này, chúng ta còn rút ra được một bài học làm người, một bài học lịch-sử để tránh dở-tùm hay, để kết-quả chẳng những chỉ ích cho riêng mình, mà còn cho cả dân-tộc và xã hội loài người.

V.— Bảng đòn cân lực lượng

Phía TÔN-THỌ-TƯỜNG (phía theo giặc)	Phía PHAN-VĂN-TRỊ (phía chống lại)
a) Chủ-lực-quân Tôn-thọ-Tường	a) Chủ-lực-quân Phan-văn-Trị
b) Hộ-vệ-quân :	b) Hộ-vệ-quân : 1.— Huỳnh-mẫn-Đạt, cử-nhân, nguyên luân- phủ Hà-tiên. 2.— Bùi-hữu-Nghĩa, thủ-khoa, ở huyện Ô- môn, tỉnh Cần-thơ, nguyên tri - huyện Trà vang. 3.— Tú-Lễ, tú-tài ở Vĩnh-Long. 4.— Nhiêu - Mân ở Cần-thơ. 5.— Lê-quang-Chiều, cai-tổng ở Cần-thơ.

VI—Nội-dung cuộc bút-chiến

Cuộc bút-chiến đã diễn ra thế nào ?

Như mây trang trên chúng tôi đã kề đại lược mấy nét về thời sự của nó, và đã giới thiệu sơ qua với các bạn về thân thế cùng sự nghiệp của hai nhân vật chính trong cuộc là Phan-văn-Trị, Tôn-thọ-Tường, một người trong khi quân Pháp tràn sang, thì đứng hẳn về phía của nhân dân kháng chiến, còn một cũng trong thời-đại ấy, nhưng lại vì bất mãn, vì vinh-hoa phú-quý đi vào con đường tối tăm của bọn Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, Đỗ-hữu-Phương v.v....

Là một sĩ-phu như vậy, ấy thế mà Tôn-thọ-Tường đã chẳng im đi, lại còn cả tiếng dài hơi trước dư-luận, bênh vực cho hành động bất-chính của mình. Do đó, bên cạnh các cuộc chiến-đấu bằng võ-lực của Nghĩa quân lúc ấy, mới có thêm nữa, một cuộc chiến-đấu bằng văn-nghệ, mà chính Tôn là người đã đứng ra khai hấn.

Cuộc bút chiến bắt đầu.

Trước hết, Tôn đưa ra những lý do theo Pháp và tâm-sự của mình trước con quốc-biển bằng bài thơ « Tự-Thuật » rất đai cà sa này :

Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến đổi này.

Chớp nhuáng thảng bon giấy thép gió ;
Mây tuôn den kít khói tàu bay.
Xăng văng thăm tinh thương đôi chổ,
Khắp khởi riêng lo biết nhũng ngày.
Miệng cọp hàm rồng chưa dể chọc,
Khuyén đàn con trẻ chó thày lay !



Thày lay lại muốn chuốc danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá vơ.
Trẻ dại giêng sâu lòng chẳng nỡ,
Đang xa ngày tối tuổi không chờ.
Áo xiêm chán thấy xăn tay thợ,
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ.
Rủi rủi may may đau đã chắc,
Nhẹ chí, nặng bắc hãy tai ngo.



Tai ngo mắt lấp buỗi tan tành,
Nghĩ sự đời thêm hò việc mình.
Nghi ngút tro tàn dần dạo nghĩa,
Lở mở bụi đóng cửa trâm-anh.
Hai bên vai gánh ba giêng nắng ;
Trâm tạ chuông treo một sợi mành.
Trâu ngựa dầu kêu kêu cũng chịu,
Thân còn chẳng kè, kè gì danh.



Kè gi danh-phận lúc tan hoang,
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng.

Lên núi bắt hùm chưa dễ lao,
Vào sông đánh cá há rằng oan.
Người thương mắt ngao đói trông bạc,
Kẻ úta gan trung bầy lá vàng.
Chiu chít thương bày gà mất mẹ,
Cũng là gắng gỗ, dám khoe khoang.



Khoe khoang sirc giỏi cagy tài khôn.
Bán dạng khua môi cũng một phòn.
Tơ ván cánh ruồi kinh chí nhện.
Gió đưa oai cọp khiếp hơn chồn.
Siêng lo há đợi cơm kè miệng,
Vụng tính nào dè nước đến tròn.
Hay dở chuyện đời còn lầm lỗi,
Mùa men khuyên hãy chor bôn chồn.



Hãy chor bôn chồn việc cửa nhà :
Sau này còn ngại nỗi đường xa,
Ma duồng con ngặt lung hai trẻ, (1)
Trời mòn lòng thương xót một già.
Lái đã vũng vàng con sóng lượn,
Thoát toan đan dệt lúc mưa sa.
Ở đời chưa dễ quên đời dặng.
Tính thiệt so hơn cũng gọi là.



Cũng gọi là người át phải lo,

(1) — Hai trẻ túc nhị thụ đồng-tử. Tục truyền, người gần chết thường có 2 đứa trẻ đứng bên thúc giục chết cho mau.

Từng hay chịu khó mới nên trò.
Bạc móng mènh biển cầu toan bắc,
Xanh mịt mù trời thước rắp do.
Nước ngược chống lên thuyền một mái,
Gác cao bó lại sách trăm pho.
Lòng này dẫu hối mà không hổ,
Lặng xét thăm soi đã biết cho.



Đã biết cho chưa hối những người!
Khuyên dìng tích hận, chờ chê cười.
Vì dẫu vật ấy còn roi dẫu,
Bao quản thân này chịu đê người.
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.
Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Luôn lỗi công trình kẻ mây mươi,



Kẻ mây mươi năm nước lẽ-văn,
Rắn dài, heo lớn thế không ngăn.
Bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng,
Ba tinh riêng lo việc ở ăn.
Hết sức người theo trời chẳng kịp,
Hoài công chim lấp biển khôn bằng.
Cho hay đã vạy thì thôi vạy,
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hẳng.



Đạo hẳng chỉ trước thảo cùng ngay.
Lỗi đạo sao cho, đáng mặt thày.
Đất quét dã dành bia lỗ miệng.
Chén tràn e nỗi trở bàn tay.

Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lắp.
Mặt trăng xem trời cánh khó bay.
Chỉ muôn ngày nào cho đặng toại.
Giang sơn ba tinh hãy còn đây.

Với 10 bài thơ liên-hoàn trên đây Tôn đã bắn
một lúc luôn 10 phát đại-bác vào thành trì tư tưởng
của sĩ-phu và nhân dân kháng-chiến. Trong 10 phát
đại-bác này, Tôn đã nổ ra được một tràng lý-luận
cho rằng tình thế nước non không còn hy-vọng cứu vãn
được. Trước sức mạnh của Pháp đi đến đâu khói tàu
bay đen lên đến đó, và chỉ chớp nhoáng đã thăng bon
giây thép khắp nơi, công cuộc kháng chiến của nhân dân
chỉ là một trò con trẻ dại dột, chơi chọc vào miệng cọp
hàm rồng, là trò toan lấp thưốc đo trời, toan bắc cầu
qua biển như thế là chuông treo chỉ-mành, là đứa người
nhảy xuống giếng khơi. Tôn tán dương quân-lực và vũ
khí của Pháp. Tôn cho chuyện kháng-chiến chống
ngoại-xâm là chuyện bá vơ là việc làm vô ích. Tôn
khuyên hãy nên làm như Tôn, chờ dùng thày lay nữa.
Tôn bênh vực hành động của mình là thúc thời, là đê
lên rừng bắt cọp, vào sông bắt cá, là thúc thời vụ.
Tuổi đã nhiều rồi, đường xa, Tôn phải tính, gấp được
cơ hội, Tôn phải bước, chờ đê tuổi già xồng xộc đến nơi
và chờ khi nước tới trôn mới nhảy thì làm sao kịp. Tôn
khuyên các bạn bè hãy dùng chê trách Tôn. Việc

làm của Tôn không phải là không nghĩ đến đạo hằng
đâu. Nhưng đạo hằng trước hết là phải nói đến chữ
thảo và chữ ngay. Hai chữ ấy chính cơ hội này, Tôn
mới có thể lo toàn. Trước tình thế này, dư-luận ai
muốn bảo Tôn là trâu ngựa gì cũng được. Việc làm
của Tôn đã có quỷ thần và trời đất soi thấu nỗi lòng.
Giữa lúc bờ cõi tan tành này, con người ta cái thân còn
chẳng thể tránh được, hòng chi là cái danh. Chuyện
đòi còn nhiều sự hay dở sau này sẽ biết, chờ dùng nên
bàn tán xôn xao với.

Nhô ra một tràng lý-luận đại đế như thế, Tôn
tưởng sẽ đánh ngã được dư-luận về mình của sĩ-phu
đương thời. Nhưng danh của Tôn đã chẳng chính, làm
saو lời nói của Tôn phát ra nghe thuận được, nhất là
những lý-do đầu hàng và gượng gạo ấy của Tôn lại đưa
ra giữa lúc ngọn lửa căm hờn và chiến đấu đang như
rượu mạnh bốc men trong khắp các từng lớp nhân-dân
trong nước mà giới sĩ-phu lúc đó được kể như là một
lớp người hướng dẫn. Vì thế 10 phát của Tôn vừa
bắn ra, liền bị ngay ông Phan-văn-Tri quạt lại bằng một
bài sau, cũng luôn một hơi mười phát để họa vẫn, trả
lời những lý do và luận diệu của Tôn :

*Hơn thua chưa quyết đố cùng đây.
Chẳng dã nên ta mới thế này.
Bến-nghé quản bao con lửa cháy,*

Còn-Rồng dẫu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,
Bùa lười săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ,
Lòng ta sắt đá há lung lay.



Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người chí mảng lo danh chẳng chói,
Đứa ngu mới sợ tuổi không chờ.
Bài hòa đã sẵn in tay thơ,
Việc đánh hòn thua tựa nước cờ.
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,
Dám đâu mắt lấy lại tai ngơ.



Tai ngơ sao được lúc tan tành.
Luống biết trách người, chẳng trách mình.
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,
Như vầy cũng gọi cửa trâm anh.
Khe sâu vụng tính vụng thuyền nhỏ,
Chuồng nọ to gan buộc chỉ mảnh.
Thân có ắt danh lúa phải có,
Khuyên người ai trọng cái thân danh.



Thân danh chẳng kè thực thằng hoang,
Đốt sáp nén tro lụy chẳng cản. (1)

(1) — Do chữ sách : “ Lạp trúc thành khôi, lụy thủy can » nghĩa là nến đốt thành tro, lụy mới khô.

*Hai cửa trám-anh xô sấp ngửa,
Một nhà danh-giáo xáo tan hoang. (1)
Con buôn kháp khởi chưa từng ngọc ;
Người khó xăng vǎng mới gặp vàng,
Thương kẻ đồng-văn nên phải nhắc,
Đê ta đâu dám tiếng khoe khoang.*



*Khoe khoan việc phải mới rǎng khôn,
Kẻ vạy, người ngay há một phồn.
Hồng dusk hư lòng dusk sơ sě,
Hùm như thất thế đẽ thua chồn,
Người Nhan há sơ dao kẽ lưỡi (2)
Họ Khuất nào lo nước đến trôn. (3)
Thay mây gặp thời tu sẽ động,
Muốn nên việc lớn chờ bôn chồn.*



*Bôn chồn cũng bởi bán vì nhả.
Dám trách người xưa chẳng tinh xa,*

(1) — Chữ « hoang » này đáng lẽ phải là chữ « oan » mới đúng là họa vận, nhưng chữ « oan » với « hoang », người miền Nam phát âm cùng một điệu, cho nên không phải là sai với vận của nguyên xướng.

(2) — Nhan-cảo-Khanh đời Đường bị giặc bắt, chửi giặc : giặc đem đi cắt lưỡi, Nhan vẫn không hề sợ.

(3) — Khuất-Nguyên đời chiến-quốc; can vua Sở, biết rằng sẽ gặp nguy sẽ bị vua Sở ghét, nhưng vẫn không sờn lòng nản chí.

Hãm hở hãy đang hăng súc trẻ :
Chùi lòn e cũng mòn hơi già,
Mồi thơm cá quý câu không nhây,
Cung yếu chim cao bắn chẳng xa.
Đáy giêng trông trời dương mắt éch,
Làm người như vậy cũng răng la...



Răng là người trí cũng xa lo.
Nhuan nhã kinh luân mới phải trò,
Ngay vay nê ra cho biết mực,
Thấp cao trông thấy há răng đo,
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Nép Tống vừa đầy sách nứa pho.
Chuốc miệng khôn người nên cắc cớ,
Đạo trời ghét vay há soi cho.



Soi cho cũng biết ấy là người,
Chẳng tiếc thân danh luồng sơ cười.
Ba cõi may dầu in lại cũ,
Đôi trông trông đã thấy không người.
Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,
Thợ vụng ít mầu nhuộm chẳng tươi.
Đứa dại trót già đói cũng dai,
Lụa là tuổi mới một đói mươi.



Một đói mươi uồng tinh xanh vắng,
Đất lở ai mà dẽ dám ngăn.

Nong nả dốc vun nền đạo-nghĩa,
Xôn xang nào tưởng việc làm ăn.
Thương người vì nước ngoài không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng,
Gió xalendar mới hay cây cổ cứng,
Dối theo người trước giữ năm hằng.



Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thùy.
Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,
Chờ khi tháo máy sê ra tay.
Nỗi chìm mặc thế tình đầy mỏng,
Cao thấp đâu ta sức nhảy bay.
Một trận gió đưa xiêu ngã cõi.
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,

Ông Phan-văn-Trị nô loạt súng đầu bắn trả lại, cho Tôn là một thằng hoang đã phá tan cã nền nếp trâm anh và danh-giáo gia-dinh là kẻ đáy giếng xem tròi, là một đứa ngu dai hèn nhát, là một môt kẻ bị danh-lợi làm lấp đôi tròng mắt, nên trong khi Bến-Nghé lửa cháy, Cồn Rồng tro bay, mới liều lĩnh không còn kẽ gì đến thân thể và danh-dự con người, không sợ gì tiếng đời chê trách, miệng thế mỉa mai. Việc nước hiện nay như một thế cờ đương găng, Tòn còn sức tuổi trẻ, chưa chi đã sợ không theo kịp ngày tháng, nếu không phải là một đứa ngu, đâu có vậy. Đã thế đối với anh em bạn

bé và cuộc kháng-chiéñ của nhân-dân, Tôn còn dựa vào thế giặc để giờ trò rung cây nhát khỉ. Nhưng chim hồng đâu sợ bầy di sê, đàn cọp đâu thua lũ cáo chồn. Là một người học thức ở một nước lẽ-văn, con nhà của bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng như thế, Tôn dám dành đoạn để tai ngơ mắt điếc trước những biến-cố phủ phàng của non song đất nước, Tôn không bùa lưới săn nai, muối muông giết thỏ được, thì sao không cầm miệng nín đi, còn lên tiếng trách người và khoe mình là khôn. Hành-động như thế đến lúc này mà còn xưng mình là đạo nghĩa, là ở cửa trâm-anh. Hay dở đã bày ra đó ? Trời đất quỷ thần nào chứng minh cho những hạng người các có vô quân vô phụ ấy. Nếu phải là người, Tôn nên tự xét và tu tinh. Như vậy e rằng đến lúc già đời chết đi cũng vẫn còn mang tiếng là chiểu lòn ngu dại. Không thể, sau này sẽ hối chẳng kịp đâu.

Luận điệu của Tôn bị đập nát, thế trận của Tôn bị dồn vào một xó. Tiếp đó, ông thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa lại họa theo phát súng của ông Phan-văn-Trị cho Tôn là một thứ cáo loạn vườn hoang không nên lấy đó mà lung lạc những cây trụ cột của đất nước miền Nam :

*Anh hùng sáu tinh thiếu chí đây
Đâu để giang sơn đến nỗi này.*

Ngọn lửa Tam-Tần phừng đốt cháy. (1)

Chòm mây ngũ quý lắp trời bay. (2)

Hùm nương non râm toan chờ thuở,

Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.

Một góc cản thương dân nước lửa,

Đền Nam trụ cản dẽ lung lay!

Và sau đây, một tràng đạn của ông Lê-quang-Chieu cai lồng ở Càn-thơ, tiếp đánh cho Tôn là thứ chồn mang lốt cọp, là thứ hạc lộn gà, là người đã lấy bùn bôi mặt không biết cam hổ phận. Hãy coi chừng, không sửa đổi đi, còn khoe danh, có ngày sẽ như cua rụng càng và đút đầu vô máy :

Rèn long đinh sắt hãy còn đây,

Nín nấm cho qua cái hội này.

Hạc lộn đòn gà thương nỗi kẻ,

Chồn mang lốt cọp gớm cho bay.

Lở duyên cá nước toan chờ vận,

Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.

(1) – Tam Tần tức chỉ đời loạn-lạc như thời Tam-tần tức đời Hán, Sở bên Tàu xưa. Sau khi đánh được Tần, Hạng-vũ bèn chia đất nhà Tần ra làm 3 để phong cho 3 viên hàng-tướng là Hầm, Hân và Ê để gây nên cuộc chiến-tranh Hán Sở, và sau này cả Tam Tần đều bị thất bại về tay tướng của Lưu Bang là Hán-Tín.

(2) Ngũ Quý tức thời Ngũ-đại, một đời loạn lạc nổi tiếng bên Tàu xưa.

Sớm tính che phen ngừa gió cả.
Cột rường chống chỏi dễ lung lay.



Lung lay còn chẳng huống chi nhơ.
Hết đứng anh hùng chờ nói vỡ,
Vận Hán gần hưng nên phải ăn,
Xe Châu đón rước mới toan chờ,
Coi thi vị ngô tua lòn bóng,
Gặp thế đương vi (1) sẽ phất cờ.
Gắng gõ khuyên đời đừng nháo nhác,
Vì danh chưa đạt mới tai ngơ.



Tai ngơ cho khỏi lúc tan tành,
Thần nghĩ chưa cam bỗn-phận mình.
Thời nọ nhảm còn cơn băng lăng ;
Đời nào lại chẳng có hùng anh.
Giết ruồi há nồ hoài gươm báu,
Gài sẻ nên toan buộc chỉ mành.
Bĩ thái xira nay đà hẵn thay,
Khuyên đừng ý thế chờ khoe danh.



Khoe danh nhường ấy cũng nên hoang.
Có thuở như cua phải rung càng.
Đôi mắt băng bùn nhơ đã đảng,
Đút đầu vô máy chết không oan.

(1) Đương vi là nên làm, có thể làm được.

Đứa ngu mới ở lòng đen bạc,
Người tri chỉ lay dạ đá vàng,
Chưa dặng cướp cờ chém nhẫn trước c,
Sao bằng mái một giũ khoan khoan.



Khoan khoan chờ vận mới trai khôn,
Với vã làm chi thề mấy phồn,
Hãy ăn non cao nuôi sức cọp,
Lừa khi nước lớn lột da chồn.
Thay lay có bùa vương trầy miệng.
Lưng cứng ghe ngay bị lở tròn.
Lòn lỏi theo thời mà xử thế,
Hễ làm việc lớn chờ bôn chôn,



Bôn chôn vì nóng trả thù nhà,
Tinh chẳng nên gần phải tinh xa.
Cung cứng mấy đời tên bắn yểu,
Non xanh bao thuở tác cho già.
Khói un hả để bày ong loáng,
Cần chắc chỉ cho vỏ ngựa sa.
Gặp lúc cơ-đồ đem lại cũ,
Bốn phương hào-kiệt thiếu đau lă.



Thiếu đau là kẻ xúm toan lo,
Trộm dấu Y, Châu(1) mới phải trò.

(1) — Y, Châu là Y-Doãn và Châu-Công.

Suy thịnh lẽ trời còn khó liệu,
Cạn sâu lòng biền thước khôn đo.
Nghịệp truyền Khổng, Mạnh kinh năm bộ,
Nghề dõi Tôn, Ngô sách mẩy pho.
Gặp đang rõ ràng duyên cá nước,
Ngàn thu để tiếng át thơm tho.



Thơm tho tiết-nghĩa mới nên người,
Chờ để ngày sau tiếng nhè cười.
Giúp tri lẽ nào dung dặng gã,
Trùn loàn rồi có kè chi người,
Hè qua đáo tốt dang thì héo,
Xuân lại chồi khô thâm cũng tươi.
Mặc thế so do điều phải quấy,
Khôn bẽ dạy cả việc mười mươi.



Mười mươi đang bảy biết tư văn,
Dẫu đến bẽ nào cũng chống ngǎn.
Nhăm dang khôn phản người phải quấy,
Đua tài mới rõ sức thua ăn.
Đang xa mới gói đi sao tới.
Sóng rộng nhiều tay lắp cũng bằng.
Gian giảo trối ai theo thói vậy ?
Miễn ta gìn giữ vẹn năm hằng.



Năm hằng đạo cả khá nói ngay,
Giúp trẻ nên danh mới đáng thày,

Nhà dột mưa đêm khôn khoẻ mắt,
Nước ròng thuyền cạn phải ra tay.
Đã nguyên rửa ráy nhơ bùn sạch.
Chi để tung bừng bụi cát bay,
Phụng gáy non kỳ (1) chờ có thuở,
Rèn lòng đinh sắt hăng còn đây.

Bị phản công rồn rập, Tôn đỡ không nổi. Lý luận quyền biến của Tôn bị đánh gãy, vì nó chỉ là một lớp sơn phết ngoài để che những cái xấu xa ham danh-lợi ở trong, mà thường những kẻ khoác áo sĩ-phu hay lợi-dụng để đánh trống lấp những chuyện làm không tốt của mình khi gặp buổi giao-thời xáo trộn.

Bị đánh dồn và bị đuổi lý không còn cãi gượng được, Tôn xấu hổ. Thay đổi luận điệu, Tôn không còn dám lên mặt tự khoe và khinh thường cuộc kháng chiến của nhân-dân như trước. Song với bài TÔN-PHU-NHÂN QUY THỰC dưới đây, Tôn lại tự bào chữa bằng một phương-pháp mới cho mình lúc nào cũng vẫn giữ lòng tốt thủy chung với vua với nước, nhưng lòng tốt ấy nay vì hoàn-cảnh phải tạm gác lại để lo cho tròn bồn-phận với phía đã trót đưa thân gán mình vào, cũng như bà Tôn-phu-nhân lúc nào cũng

(1) — Ngày xưa Châu-văn-vương cai trị Kỳ-son, lúc ấy có chim phương gáy. Câu này có ý nói thế nào vận nước cũng có lúc hưng lại.

nhớ anh nhớ mẹ, nhưng có chồng, trước hết phải
gánh giang-sơn nhà chồng đâ ; như thế mới phải đạo làm
người ; mới ngàn năm rạng tiết :

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông.
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng.
Son phấn thà đem vầy gió bụi,
Đá vàng chi để them non sông,
Ai về nhǎn với Chu-công-Cần.
Thà mất lòng anh, dặng bụng chồng.*

Như thế, là Tôn đâ thú nhận rằng mình là kẻ
đứng hẳn về phía giặc để chống lại Triều-dinh chống
lại nhân-dân, cũng như bà Tôn-phu-nhân xưa đã
phải đứng hẳn về phe chồng là Lưu-Bị để chống
những hành-động của Chu-công-Cần. Nhưng không
đúng, vì trường hợp theo Pháp của Tôn không phải
nó trường-hợp theo Lưu-Bị của bà Tôn-phu-nhân.
Trường-hợp của Triều đình và nhân-dân miền Nam
đối với Pháp cũng hoàn-toàn không giống một chút
nào như trường-hợp Chu-công-Cần đối với Lưu-Bị
xưa, cũng như trường hợp thực-dân Pháp đối với triều
định Huế và nhân-dân ta lúc đó cũng không phải như
trường-hợp của Lưu-Bị đối với Tôn-Quyền. Ai đọc
chuyện Tam-quốc còn không hiểu rõ được chuyện này,
ấy thế mà Tôn dám đưa mình để so sánh với hành động

của bà Tôn-phu-nhân và ngàn thu cũng để một tiếng
tăm như vậy, không phải xấu xa nhơ bẩn gì. Như vậy
thì thật cả gan và liều-linh biết mấy. Vì thế Tôn lại
bị ông Phan-văn-Trị đánh trả cho cái chí-kí của Tôn
chỉ là một cái chí-kí của những hạng khẩn yếm tầm
thường, trai ngay thờ chúa, gái ngay thờ chồng, chó
như thế, như về đất Thục để cốt cho má hồng thêm
lươi khi tuổi đã mặt trời xế bóng, thì ngàn năm còn
rạng tiết cái gì :

*Cài trâm sủa áo vẹn câu tòng,
Mặt giả trói chời chiều biệt rỗi Đông.
Ngút tỏa vàng Ngô in sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tóc bền trói đất,
Một gánh cương thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn-Quyền, anh có biết?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*

Và sau đây là bài của ông Nhiêu-Mân ở Cần-
thơ họa lại cho Tôn không khác nào một cô gái,
nhưng là cô gái như cánh hoa tàn đã rũa, đã bị dạt
trôi theo nhiều dòng nước, đã biết là thân con gái thì
phải theo chồng, tại sao còn có những cử-chỉ và thái-
độ như thế :

*Dõi theo Thành trước giữ tam tòng,
Lai láng lòng này cách biển Đông.*

Ủ dột vừng Ngô doanh ngút bạc,
Sửa sang về Thục thắt tơ hồng,
Thà đem lá thăm trói dòng bích,
Nỡ đẽ hoa tàn rửa mẩy sông.
Anh hỡi anh sao không biết nghĩ ?
Làm thân con gái phải theo chồng.

Chiến thuật Tôn-phu-nhân quy Thục lại bị phá.
Lập trường thà mất lòng anhặng bụng chồng của Tôn
lại thay đổi. Và lần này là lần chót, Tôn đưa ra một
bài thơ tử-vận để bịt miệng đổi-phương dưới cái nhan
đẽ là TÙ-THÚ QUY TÀO :

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi, (1)
Muối xát lòng ai nấy mặn môi.
Ở Hán hẵng còn nhiều cột cỏi ;
Về Tàu chỉ sá một cây cỏi.
Bàng khuâng nhớ mẹ khôn nâng chén,
Bịn rịn trong vua biếng giở roi.
Chẳng dặng khôn Lưu đành dại ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thi.

Tôn tự nhận mình là kẻ đã bỏ Triều-dình, bỏ
nhân-dân đi ra theo giặc Pháp như Từ-Thú xưa phải
bỏ Lưu-Bị theo Tào-Tháo. Tôn tự hạ tự cho mình là
một kẻ bỏ đi, cũng như một cây cỏi không còn dùng

(1) — Vua Thuấn ngày xưa đi bừa, có voi vì cảm lòng
hiếu thảo của nhà vua ra dặm đất cho nát đẽ bừa giúp nhà
vua. Kẻ cày voi ở đấy là chỉ vào vua Thuấn.

được nữa. Nhưng còn tỏ ra một lần nữa muôn bào-chữa cho hành động của mình là đúng, là do nơi hoàn-cảnh tạo ra, và cho dư-luận biết rằng mình tuy theo Pháp, nhưng lòng không theo thật. Đối với công việc của Pháp, Tôn cũng như Từ-Thúy đối với Tào nghĩa là đã gác ra ngoài vòng thoi vây.

Song, Tôn muốn bày tỏ nỗi lòng mình ở Pháp cũng như lòng Từ-Thúy ở Tào thì còn có thể tạm gọi cho là được, chờ mượn đó để bênh vực cho hành động của mình để đỡ lỗi những việc mình làm do hoàn-cảnh thì thật là vô lý. Từ-Thúy bị Tào-Tháo bắt mẹ, Thú không trở về Tào sẽ giết mẹ Thú. Thú sẽ mang tiếng là con người bắt hiếu. Còn Tôn thì đâu có sự gì bắt buộc, hoàn-cảnh xã-hội nước ta lúc đó đâu phải bắt buộc một người như Tôn ra làm việc cho Pháp, nếu không thì chẳng được. Hơn nữa, Thú tuy về Tào nhưng lòng trung của Thú đối với Lưu-Bị cũng chưa đã mất hẳn, trước khi đi Thú còn đón từ giã Lưu-Bị, và giới thiệu cho Lưu một người có tài đức hơn mình là Khổng-Minh để thay mình giúp Lưu. Còn ở Tôn thì hoàn-toàn khác hẳn, là hoàn-toàn đi theo chính-sách mua chuộc các sĩ-phu đương thời của Pháp, không ít thì nhiều, dù sao đi nữa, đối với trách-nhiệm lịch-sử, Tôn cũng không thể bênh vực được những hành động

của mình như thế là không có lợi gì cho Pháp, hay có hại gì cho dân-tộc.

Vì thế, ông Phan-văn-Trị lại lên tiếng cũng dưới đầu đề TÙ-THÚ QUY TÀO, nhưng kết-luận bảo Tôn, thôi hãy ngậm miệng, không nên đưa ra những lý do này khác nữa :

Quá bị trên đầu lát búa voi,
Kinh-luân đâu nữa để khoe mòi.
Xăng văng ruồi ngụy mây ủn đám
Ráo rác xa Lưu gió thổi còi
Đất Hứa nhớ thân sa giọt tủi ; (1)
Thành Tương mến chúa nhẹ tay roi.
Về Tào miệng ngậm như bình kín,
Trân trọng lời vàng đáng mấy thoi.

Và ông Tú-Lễ ở Vĩnh-long cũng lên tiếng với đầu-de ấy, nhắn Tôn không nên tự ví mình như vậy :

Cũng muốn phô bày trận ngựa voi.
Tấm lòng này để khác chi mòi.
Việc vua những tính chưa rời rảnh,
Tin mẹ vừa sang rất kể còi,
Nỗi Hán, Ngụy vầy, lui tắc da,
Đồ Tôn, Ngô cũ lũy đầu roi.
Xin dừng môi mắt trăm dặm ngựa,
Rồng núp Nam-dương đáng mấy thoi.

Tôn nghĩ đưa ra bài TÙ-THÚ QUY TÀO

(1) Tức Hứa-xương, nơi kinh-đô của Tào-Tháo.

với những tử-vận như *voi*, *mòi*, *còi*, *roi*, *thoi*, đối-phương sẽ không còn ai họa lại được. Nhưng Tôn đã chủ-quan không biết vũ-kí của ông Phan tới trận này lại còn nồng mạnh, không kém những lần trước. Với tử-vận ấy, không những ông Phan đã đánh lại được Tôn, một cách rất dễ, mà còn đưa ra cũng theo tử-vận ấy, một bài lấy tên là HÁT BỘI, để cảnh-cáo một lần chót những hành-động của Tôn, cho Tôn là một kẻ bù-nhin, một kẻ bôi vôi về mặt ở trước đám đông người :

*Đứa mắc ghẻ ruồi, đứa lát voi,
Bao nhiêu xiêm áo thây tro mòi.
Người trung mắt đỏ đồi tròng bạc,
Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi.
Trên đỉnh có nhà còn lợp lọng ;
Dưới chân không ngựa lại gioi roi.
Hèn chi chúng nói bội thi bạc ;
Bội mặt đánh nhau đá lại thoi.*

Luận-diệu của Tôn đã bị hoàn-toàn thất-bại bởi ngòi bút của ông Phan-văn-Trị. Kế đó lại bị ông Thủ-khoa Nghĩa ở Cần-thơ đánh bồi thêm vào cái tử-vận trong bài thơ Từ-Thú quy Tào của Tôn, bằng thơ ĐÚA BẾP :

*Đeo dã không nên cái búa voi,
Để làm dưa bếp nhắm ra mòi.
Sợ lòng ngũ đinh chí sơn nóng,*

Khuấy vạc tam thai chảng sợ còi,
Gặp cuộc than hòng đà săn gấp,
Giận con đòi lại khỏi quơ roi.
Xông nơi nước lửa dư trăm trận,
Công-nghiệp nay đà đáng mấy thoi.

Và ông Huỳnh-mẫn-Đạt, cử-nhân, nguyên tuần-phủ Hà-Tiên với bài thơ MƯA ĐÊM :

Mới vừa bụng núi dấu thêm voi,
Kia phải mưa đêm đã ló mòi
Mượn sấm đánh tan vùng nguyệt rang,
Xua sương tưới sông cụm hoa còi.
Say cầm câu nguyệt, ngư lên nón;
Lỡ dặm mang sao mục ướt roi.
Hỏi kẻ Trưởng-yên trời biết chảng ?
Tầm long quê ngọc nhộn đường thoi.

và sau đây nữa là ông Lê-quan-Chiều, cai-tồng ở Cǎn-thơ với bài thơ CON VOI :

Giòng chi cao lớn dám tầy voi,
Người gọi tướng quân cũng phải mòi.
Bốn dựng thẳng băng gân cốt cứng,
Hai tai trăm tráp tóc long còi.
Ra binh xông lướt danh còn đẽ ;
Giúp chúa cày bừa tiếng hãy roi.
Mới biết vật linh thi có quý,
Cấp ngà giá đáng mấy mươi thoi.

Những phát súng hướng-ứng của các ông này, tuy không nổ mạnh, và rót thẳng vào bài Tù-Thú quy Tào của Tôn. Nhưng kết-quả cũng làm cho Tôn thấy rõ được cái thái-độ và lập-trường đối-lập rất rõ rệt.

Cuộc bút chiến lịch-sử này đến đây chấm dứt, vì trong cuộc từ trước đến sau, người khai chiến là Tôn đều hoàn-toàn bị thất bại, và tự biết ở vào một thế cô độc, một phe của những kẻ phi-nghĩa, hở môi ra những thẹn thùng, rồi từ sau trận đánh cuối cùng này, Tôn trở nên buồn rầu chán nản, cúi đầu lặng thinh để nhắm mắt rời chân cho thế sự xoay vần, mặc dầu còn tài hoa, nhưng thôi, không lên tiếng được nữa trên chiến trường văn-nghệ để đưa ra những vấn điệu khác bênh vực cho lý-do và hành-động theo Pháp của mình.

VII — Giá-trị cuộc bút-chiến

Nói về cuộc bút-chiến này, có người cho đó là một cuộc xung đột giữa hai khuynh hướng đối lập nhau :

Một bên Tôn-thọ-Tường, tiêu biểu lớp nhà nho quyền biến tùy thời. Lớp sĩ-phu này không câu nệ, nhận thấy việc có khi biến, có khi thường, cho nên gấp thời thế, thế thời phải thế.

Một bên Phan-văn-Trì, tiêu biểu cho lớp nhà nho tiết tháo, quan-niệm *trung thần bất sự nhi quân*, bảo thủ quan-niệm về công danh sự nghiệp theo khuôn khổ đã vạch sẵn trong Nho-học.

Nhưng thế là không đúng, là không nhận rõ ra được cái trạng-thái về thời-đại của nó ; là không phân biệt được hai phe chính-nghĩa và phi-nghĩa đã chia ra rõ rệt trong một cuộc chiến-tranh ở giữa Việt-nam ta và Pháp, một bên là chủ-trương phát động và theo đuổi một cuộc chiến-tranh xâm-lược, một cuộc chiến-tranh chỉ lợi cho bọn quân-phiệt và tài-phiệt. Còn một bên là tự-vệ, là phải bắt buộc chống lại để giữ lấy chủ-quyền và đất đai.

Và nhận xét như trên, là vô hình trung, trong quan-niệm đã biểu-đồng-tình với chủ-nghĩa đầu hàng

vũ-khí, đầu hàng hoàn-cảnh và đầu hàng danh-lợi của Tôn-thọ-Tường. Đồng thời cũng trong nhận-xét ấy đã phủ-nhận tinh-thần vì dân vì nước, vì nền độc-lập của non sông xứ sở, vì sự sống còn của dân-tộc, triệt để ủng-hộ cuộc kháng-chiến anh-dũng chống ngoại-bang xâm lược ở miền Nam lúc đó.

Theo sự nhận-xét của chúng tôi. Cuộc bút-chiến lịch-sử này, không thể đặt cho đó là hai khuynh-hướng được. Nhìn trong bảng đòn cân lực-lượng trên kia, chúng tôi đã thấy rõ, trong cuộc bút-chiến, Tôn-thọ-Tường chỉ đơn dao độc mã, chiến đấu cho riêng biệt chí-hướng của độc nhất cá-nhân mình mà thôi. Tôn không đại-diện được cho một người sĩ-phu khác nào sau Tôn

Trong hàng sĩ-phu ở miền Nam lúc đó, chỉ có ông tiến-sĩ Phan-hiền-Đạo là bước vào con đường của Tôn. Nhưng ông này thật ra cũng không phải tới nước đưa Tôn lên chiến-trường văn-nghệ để đại-diện cho mình. Trong cuộc bút chiến từ trước đến sau, chúng ta không hề thấy một tiếng nói nào của ông, mặc dù với sức văn-học đã đồ dồn tiến-sĩ, ông có thừa sức xuất quân, để bài binh bố trận. Nhưng ông đã tự cảm thấy đường đi của mình là lầm lạc, là có trọng tội với giang sơn, tổ-quốc, nên cuối cùng ông khác hơn Tôn, đã phải dứt khoát chọn lấy một ngả đường để thoát, để

thanh-minh cho nỗi lòng mình, bằng chén thuốc độc ở tại Vĩnh kim đồng. Hành động này của ông tiến-sĩ họ Phan tuy quá độ tiêu cực, thay vì con đường ấy, ông nên trở về với nhân dân, với kháng-chiến mới phải. Nhưng dù sao, đối với ông, chúng ta cũng thấy sự ra hợp tác với giặc của ông là một sự lầm-lạc, chứ không phải cố ý bán nước hại dân, theo đuôi cọp mái như bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương vân...vân....

Như thế đối với cuộc bút-chiến này, ta không thể đặt cho Tôn là đại-diện một lớp sĩ-phu nào, hoặc một khuynh-hướng nào.

Chúng ta có thể nói được Tôn là đại-diện cho bọn Tấn Lộc, Phương lúc ấy. Nhưng những con người này không phải là sĩ-phu. Bọn này ra theo Pháp là theo, là sẵn tai để nghe lấy tất cả những lời nguyền rủa của đồng loại, đồng chủng. Theo voi ăn bã mía, bọn chúng không cần phải thanh-minh gì hết, hoặc đưa ra những lý nợ lê kia để hòng may ra còn vớt vát được phần nào cho danh-dụ ở đời. Bọn chúng là những kẻ vô học, là những hạng con người giá áo túi cơm, chúng chỉ biết lấy vinh thân phì gia là đủ. Chúng dựa vào hơi giặc để lên mặt với xung quanh, như thế là sang trọng, là phong-lưu phú quý tám vạn nghìn tư rồi. Lặng cầu tiếu

lấy vàng, chúng không lấy đó là xấu hổ, và phải thanh minh rằng cầu tiêu không có mùi gì thui. Hai con đường một là danh, hai là lợi, chúng chỉ chọn một cái thứ hai không đòi hỏi gì hơn nữa. Những tiếng khen chê ở đời, đối với bọn chúng cũng như là búa bồ trán voi và nước đổ đầu vịt.

Bọn chúng không cần thiết phải có một người sĩ-phu là Tôn-thợ-Tường để đại-diện cho chúng, bào chữa cho việc làm của chúng trước tòa án dư-luận.

Cho nên việc cho Tôn là đại-diện một khuynh-hướng lại càng là không đúng, vì khuynh-hướng không phải là một người, một tư-tưởng cá-nhân nào, phải ít nhất cũng được thay mặt cho một tối thiểu số nào. Vì vậy trong cuộc bút-chiến này, ta có thể nói ông Phan-văn-Trí là đại-diện một khuynh-hướng của lớp sĩ-phu thì được, chứ Tôn thì chỉ là một cá-nhân. Có đại diện đi chăng Tôn chỉ là đại diện được cho mình, cho vợ con, và những tôi tớ trong gia-dình. Nhưng thế mà gọi là đại-diện thì ôi chao còn gì là mỉa mai cho bằng ...

Đó là nói về đại-diện và khuynh-hướng. Còn nói Tôn là quyền biến tùy thời, như vậy có đúng không ?

Thực ra, Tôn đã câu-nệ, đã cõ-chấp, lối cõ-chấp và câu-nệ một cách hết sức tẽ-nhị và kín đáo, để bảo-thủ, không chịu dứt bỏ trong đầu óc cái tư-tưởng bôn ba lòn lỏi vì danh lợi của mình. Tư-tưởng ấy của Tôn

không phải chỉ bộc-phát trong lúc có cuộc xung đột Việt-Pháp, mà trước đã nẩy mầm trong Tôn. Lịch-trình của Tôn đã chứng rõ điểm này, nên đối với việc Tôn ra làm cho Pháp, không ai còn lạ nữa, và cũng không ai còn khờ dại gì để bị những lời bào chữa của Tôn mập mờ đánh lận con đen được.

Đi xa hơn nữa, có người lại cho rằng những lời trong cuộc bút-chiến của Tôn cũng có thể thành thật, nghĩa là có thể tin được, biết đâu việc theo Pháp của Tôn lúc đó chỉ là một chiến-thuật.

Song thế càng sai nữa. Đã dành trong một cuộc chiến-tranh, là bao giờ cũng có nhiều khía cạnh, có nhiều hành-động phải hết sức linh-động quyền biến để cho đi tới được mục đích cuối cùng, nên nhận xét ở tương-quan lực lượng, các nhà lãnh-đạo có đôi lúc phải chủ-tương thỏa-hiệp, nhưng cái thỏa-hiệp đó phải nằm trong những cái đánh lớn. Nếu không là thủ tiêu chiến-dấu, là đầu hàng thật sự. Tôn-thợ-Tường đi ra theo Pháp, ta thử đặt một câu hỏi, cái hàng ấy của Tôn có nằm trong cái đánh lớn không, nếu có Tôn đã làm được những gì ?

Trong mục giới thiệu Tôn-thợ-Tường, chúng tôi đã đề-cập hai chữ quyền-biến chỉ là một lý-do để che đậy cho tư-tưởng xu-thời của kẻ sĩ thôi, vì với hoàn-

cảnh gia-đình, hoàn-cảnh xã-hội, cả hai hoàn-cảnh đều
không bắt buộc Tôn phải như Tôn-phu-nhân quy Thục
hay Từ-Thú quy Tào.

Hai chữ quyền-biển ở Tôn là cả một sự giả dối
không thật với lòng mình, nên trong cuộc bút chiến, càng
ngày Tôn càng thay đổi càng xóa bỏ lập-trường.

Lúc đầu Tôn khoe khoang và lên mặt dạy dòi
Miệng cọp hàm rồng chưa dẽ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chờ thay lay.

Trẻ dạy giếng sáu lòng chẳng nỡ,
Đường xa ngày tối tuổi không chờ.
Áo xiêm ngắn thấy săn tay thơ,
Xe ngựa nào toan gõ nước cờ.

Tôn tự nhún mình để đưa cao giá-trị mình lên :

Nghi ngút tro tàn dần đạo nghĩa,
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm-anh,
Trâu ngựa dù kêu, kêu cũng chịu.
Thân còn chẳng kẽ, kẽ gì danh.

Lòng nay dusk hỏi mà không hở,
Lặng xét thăm soi đã biết cho.

Cho hay đã vậy thì thôi vậy,
Nhắm mắt đưa chân lôi đạo hăng.

Vì dù vật ấy còn doi dấu,
Bao quản thân này chịu đê người.

Nhưng đến bị ông Phan-văn-Trị đánh lại :
Đến thế còn khoe danh đạo-nghĩa,
Như vậy cũng gọi cửa trám-anh.

Hai cửa trám-anh xô xắp ngửa,
Một nhà danh-giáo xáo tan hoang.

Cho Tôn là một thằng hoang, một đứa cặn thị :
Đây giếng trông trời giường mắt éch,
Làm người như vậy cũng rẳng là.

Chuốc miệng khen người nên các cớ,
Đạo trời ghét vây há soi cho.

và cảnh-cáo Tôn :

Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,
Bủa lưới săn nai cũng có ngày,
Đứng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá há lung lay.

Kế đó, bị luôn một loạt súng tấn công của những
người đứng về phía ông Phan, Tôn phải hạ giọng, lạy

cho mình đã hân hòi chính thức bước qua hàng ngũ Pháp, thậm chí đến nỗi không ngượng ngùng đem thân súc dài vai rộng ở trước cảnh nước loạn để so sánh với một kẻ quần vận yếm mang thời phong-kiến cõi xưa là người con gái đất Giang-dòng. Rồi sau đó bị tấn công rồn rập, bí thế làm sao đỡ lại được, thì lung túng, rồi tự ví mình như Tù-Thứ để phân trần cho mình tuy ở Pháp, nhưng không có đê lòng theo Pháp, năm nỉ xin các bạn hiếu cho :

*Chẳng dặng khôn Lưu dành đại Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi.*

Vả chẳng, nói đó là quyền biến thì việc làm của những kẻ theo Pháp như bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc, Đỗ-bữu-Phương lúc đó, và bọn Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-Thân, Lê-Hoan sau này cũng đều là quyền biến cả sao ?

Trường-hợp quyền biến, ta có thể đặt cho trường-hợp như trường-hợp của Ngô-thời-Niệm cựu-thần nhà Lê trước ra theo nhà Tây-sơn chẳng hạn vì Tây-sơn với Lê chỉ là một sự thay đổi về giềng mới chánh-trị.

Tây-sơn với Lê, cả hai cũng đều người trong nước. Một người đang theo Lê, nhưng vì thấy nhà Lê sao đó, phải ra theo Tây-sơn, thì đó là xuất sử không câu nệ, không cõ-chấp đối với giáo-lý nghiêm khắc của nhà Nho. Chớ như cuộc chiến-tranh Việt-Pháp thì đã phân biệt ra hai phe phải trái rõ rệt, một người không có học cũng hiểu, không phải khó khăn như cuộc nội-chiến giữa Tây-sơn và Lê, hay Tây-sơn cùng hai họ Nguyễn Trịnh, phải có tầm mắt thấy rộng nhìn xa, tẽ nhỉ lầm mới phân biệt được rõ bên nào là chánh-nghĩa, là hợp với nhân-tâm, bên nào là phi-nghĩa là trái với nguyện-vọng quốc-dân.

Vì những lẽ trên đây, đối với cuộc bút-chiến này, chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với quan-niệm cho Tôn là đại-diện cho một khuynh-hướng, tiêu biếu lớp nhà Nho quyền biến tùy thời, không câu nệ, nhận thấy việc có khi biến, khi thường, cho nên gấp thời thế thời phải thế.

Đó là nói về Tôn-thọ-Tường.

Còn về phía ông Phan-văn-Trị, phía đã đổi lập lại với Tôn. Chúng tôi cũng không tán thành với thuyết

nhận-xét trên cho là tiêu biếu lớp nhà Nho tiết-tháo, quan-niệm *trung thắn bất sự nhì quán*, bảo thủ quan-niệm về công-danh, sự-nghiệp, theo khuôn khỗ đã vạch trong Nho-giáo.

Ông Phan-văn-Trị và những đồng-chí của ông xuất thân từ cửa Khồng, sân Trinh. Các ông ấy là những người tiết-tháo, là những người vùi mài trong tư-tưởng của giáo lý *trung thắn bất sự nhì quán* thật. Nhưng ở thời-đại ấy, quan-niệm và lập-trường của các ông ấy đã thuộc về phía như chúng ta, ai cũng biết là thuộc về phía của nhân-dân kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược, chính-nghĩa của phía này có thể coi như là một thiên-lý bất di bất dịch từ lúc có loài người đến nay, không ai có thể xóa bỏ đi, hay làm xuyên-lạc được giá-trị của nó. Phía này trong thời-đại đó, như mọi người đều biết, đã có lúc phải sử dụng chữ « trung » hết sức là linh động không theo một quan-niệm cố-định, bảo-thủ, cố-chấp và câu-nệ như một số nhà Nho xưa, nên đã có lúc phải kháng-mệnh Triều-dình, phải chống lại hiệp-ước cắt nhượng đất 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, quyết chiến đấu đến cùng để giành lại đất đai. Chữ « Trung » đã

thể, trái lại chữ « Quân » cũng không phải hép hòi và trói buộc ở trong một khuôn khổ như xưa, mà chỉ còn là một thần-khí để tượng-trưng cho giềng-mỗi quốc-gia, đối với đương thời, đối với một nước nông-nghiệp còn phong-kiến và lạc-hậu như nước ta khi đó, chữ «quân » cũng vẫn còn có giá-trị để đưa ra vận động cho phong trào kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược. Xóa bỏ chữ « Quân » lúc đó, trong hành-động có thể nói đã là vượt ra ngoài luân-lý cổ-truyền của Nho-giáo, nhưng là quá-khích, là xa trình-độ dân-chúng, không hợp và bất lợi cho việc lớn của quốc-gia và dân-tộc.

Cho nên mặc dù ông Phan-văn-Trị và những người đứng về phía ông lúc ấy còn cái quan-niệm *trung-thần bất sự nhì quân*, nhưng quan-niệm đó, trong hoàn-cảnh chống xăm-lăng ấy, nó đã trở thành rõ rệt là một quan-niệm bất-cộng đối-thiên với kẻ thù dân-tộc. Cái chữ « Trung » của nó đã nặng hẳn về phía dân hơn là phía quân rồi. Cái quan-niệm *Trung-thần bất sự nhì quân* trong đó không còn ý nghĩa ở trong nội-dung thực-tế mấy.

Vì thế, đối với quan-niệm *trung-thần bất sự nhì*

quân, ta có thể đặt cho Phạm-Thái trong bài *chiến-tụng* *Tây-hồ phú* để đổi-lập lại với quan-niệm và lập-trường ra phò nhà Tây-sơn của Nguyễn-huy-Lượng thì được, chớ đặt vào quan-niệm của ông Phan-văn-Trị và những người đứng về phe ông thì không đúng, vì như thế, chưa thấy rõ được cái chân giá-trị về lịch-sử của nó. Và nhận-xét như thế là không nhìn thấy chánh-nghĩa của nhân-dân, cũng như đã lầm nhận thực-dân Pháp, kẻ đem binh-lực dì xâm chiếm nước người không phải là phi nghĩa, và cũng đáng là một vị vua đê trung, và đê thờ cho một số sĩ-phu nào lúc đó, như Nguyễn-huy-Lượng bỏ nhà Lê, ra theo nhà Tây-sơn để ông Phạm-Thái chống lại trong bài *Chiến-tụng Tây-hồ-phú*. Và như thế cũng chưa là dứt khoát tư-tưởng và lập-trường đối với cuộc chiến-tranh giữa một bên thì dì cướp đất đê mở mang thuộc địa, còn bên thì phải quyết liệt chống trả đê giữ lấy quyền sống. Và như thế nữa, cũng chưa nhận thấy rõ cuộc chiến tranh Việt-Pháp, không phải là một cuộc nội-chiến như cuộc chiến-tranh giữa Lê, Mạc, hay Nguyễn, Trịnh và Lê, Nguyễn, Tây-sơn...

Bởi nhận xét sai lầm không dứt khoát và rõ rệt như

thể, nên đối với cuộc bút-chiến này, một số nhà cầm bút trước đây, chỉ thấy được một cách phiến diện về hình-thúc của nó, cho là một cuộc xướng họa, và chỉ thấy đó là những tài liệu quý báu để lại về tinh-thần của hai phái sĩ-phu khi người Pháp mới dǎm bàn chân xâm-lược lên trên đất nước này.

Bởi nhận xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã không phân biệt được nỗi bạn và thù, cho Phan-văn-Trị và Tôn-thọ-Tường, cả hai người cùng với Phan-thanh-Giản, Nguyễn-đình-Chiểu, Bùi-hữu-Nghĩa, đã đại diện làng văn Nam-Việt và góp phần xứng đáng vào kho tàng văn-chương nước ta cuối thế kỷ 19, và giải thích một cách hàng hai rằng :

Bị xúc động trước thời-cuộc, hai ông đã đưa văn thơ thoát khỏi những đè-tài sáng-tác cỗ-điển để đi sát với hoàn-cảnh, với đời sống của dân-tộc. Văn-chương đã có một tác-dụng đấu-tranh dù chỉ đấu tranh trong phạm-vi tu-tưởng mà thôi.

Nhưng cuộc tranh đấu không bị gò bó trong phạm-vi lý-luận khô khan. Đó là do nghệ-thuật, đem hình-ảnh và rung cảm thẩm-nhưỡn vào câu văn khiến những bài thơ

của cuộc bút-chiến đã vượt khỏi phạm-vi không-gian thời-gian, và chiếm một địa-vị đáng chú ý trong làng văn-học.

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã khen ông Phan-văn-Trị là một người có khí-phách, có tinh-thần ái-quốc sâu sắc, có tiết-tháo trong sạch giữ vững lập-trường, không chịu dấn thân vào chỗ đâm bùn nhơ để cầu lấy hư-vinh rồi ngược trở lại phê bình là cố-chấp là bị giáng buộc bởi luân-lý cõi-truyền của Nho-giáo. Như thế thì có khác nào đã đánh giá tất cả những nhà ái-quốc, những người có đạo-đức xưa nay, tất cả đều là những hạng người cố-chấp, là bảo-thủ, không tiến-bộ chút nào.

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã tán-thành với thái-dộ và lập-trường của ông Phan-văn-Trị, nhưng còn tiếc rẻ, khen Tôn-thợ-Tường con người quyền-biển, và than cho Tôn là người muốn xông-ra đời để làm một việc gì cho tương-lai. Trước mặt ông, viễn-tưởng một cuộc sống ngang-tàng khác hẳn với lối công-danh cử nghiệp đã làm ông say sưa... Tuy nhiên khi thực hiện chí lớn, ông gấp phải

một điều rất khó. Trước mặt ông có hai con đường : theo triều cũ hay theo tân-triều ? Con đường thứ nhất, ông không ưng, vì đó chỉ là một con đường tuyệt vọng. Còn nếu theo con đường thứ hai, thì ông sẽ bị thiên-hạ cho là trái đạo.

Bởi nhận-xét sai lầm, không dứt khoát và rõ rệt như thế, nên có người đã không nhận rõ được những bài thơ của Tôn-thọ-Tường là những cái đầu độc sĩ-phu, và của ông Phan-văn-Trị là những liều thuốc để già lại, nên san bằng, đánh giá đồng một, cho của cả hai đều có tính-chất gợi cảm rất mạnh, và đã khéo đem được nhiều hình-ảnh vào trong thơ văn.

Thậm chí có người đã nhìn nhận những lời nói của ông Phan-văn-Trị trong cuộc bút-chiến không những đã biểu hiện tấm lòng khảng khái và bất khuất của lớp sĩ-phu thời bấy giờ. Đó còn là tiếng nói tinh-thần dân-tộc, của truyền-thống anh-dũng đã tạo nên những chiến công oanh liệt Vạn-kiếp, Chi-lăng, Đống-đa và đang vươn mình lật đổ ách xâm-lăng. Nhưng rồi một mặt khác, lại cho những lời danh thép chõng lại Tôn-thọ-Tường của ông, như những câu :

Tai ngơ sao được lúc tan tành,

Luống biết trách người chẳng trách mình.

Thân-danh chẳng kể thực thằng hoang,

Chẳng xét phân minh khéo nói vor.

là những lời sống sượng, rồi loanh quanh lúng túng, tự
mâu thuẫn, cho đó chính là biểu lộ những tính cương
trực của nhà Nho, v.v...

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì cuộc bút-
chiến này, tuy hình-thúc là một cuộc xướng họa. Nhưng
nội-dung giá-trị lịch-sử của nó phải nói là một cuộc
tranh đấu tư tưởng, một trận chiến đấu bằng hình-thúc
văn-nghệ của những người đứng về hàng-ngũ chống
xâm-lăng, đứng về phía nhân-dân, để chống lại những
kẻ đã theo giặc, kẻ đã phản bội dân-tộc, nhưng còn
xấu hổ, còn muốn che đậy dã-tâm và hành-dộng bất
chính của mình bằng lớp áo sĩ-phu có gǎn những bông
hoa mă là ngộ biến lòng quyền.

VIII — Kết - Luận

Nói tóm lại, cuộc bút-chiến này đã để lại trên lịch-sử cho chúng ta ngày nay, một tài liệu vô cùng quý báu về tinh-thần của sĩ-phu lúc đó.

Với sức mạnh hùng hậu đương lên ở thế-kỷ 19, bọn thực dân Pháp tràn sang đây với danh-nghĩa là bảo vệ tự-do tín ngưỡng, là đem văn-mình sang khai hóa xứ này, là tự xưng Tân-trào. Nhưng với mánh khéo chánh-trị nào, với những thủ-doạn gian hùng nào đi nữa, kẻ phi-nghĩa, bọn dùng vũ-khí đi chiếm đoạt quyền sống của người khác, vẫn không thể nào được những sĩ-phu ra làm việc cho chúng.

Sĩ-phu miền Nam lúc đó, quả thật đa số không bị mờ tối bởi thủ-doạn mua chuộc dụ dỗ và vuốt ve của Pháp. Tuy có một số còn thủ cựu, đối với việc lớn

nước nhà, còn bảo thủ, còn chờ thời đợi thế, trong lúc ngọn lửa xâm-lăng đã cháy mày, nhưng tất cả đều biếu lộ một tinh thần yêu nước, một lập trường dứt khoát đứng hẳn về phía của dân-tộc.

Qua cuộc bút-chiến, chúng ta thấy sự chống lại chủ-trưởng ra làm việc cho Pháp của sĩ phu lúc đó, chẳng những là để bảo-vệ lấy phẩm cách con người, lấy tiết-tháo trong sạch, mà còn tin tưởng vào sự tất thắng của chính-nghĩa, vào sức vạn năng của toàn dân trong công cuộc giải-phóng đất đai và giành lại chủ quyền.

Phải không rung-động trước lực lượng súng đòng tàu trận của đối-phương, nên trong các bài của ông Phan-văn-Trị và những người đứng về phe ông mới có những câu lên tiếng với kẻ thù :

*Bến-nghé quản bao cơn lửa cháy,
Còn-Rồng dẫu mặc bụi tro bay*



*Sớm tinh che phên ngừa gió cả,
Cột rường chống chọi dễ lung lay.*



Bài hòa đã sẵn in tay thơ
Cuộc đánh hòn thua tựa nước cờ.



Hồng đậu hư lồng đậu sơ sè,
Hùm như thất thế dễ thua chồn.

· · · · ·
Phải giữ lấy tiết-tháo dù trong cơn tai biến thế nào cũng không thay lòng đổi dạ với nước non, nên các ông này mới có câu :

Người có át danh tua phải có,
Khuyên người ái trọng cái thân danh.



Thân danh chẳng kể thực thằng hoang,
Đốt sáp nên tro lụy chẳng càn.



Mồi thơm cá quý câu không đặng,
Cưng yếu chim cao bắn chẳng sa.



Thơm tho tiết nghĩa mới nên người,
Chờ để ngày sau tiếng nhẽ cười.



*Đứa ngu mới ở lòng đèn bạc,
Người trí chỉ lay dạ dá vàng.*

Phải tin tưởng vào sự tất thắng của chánh nghĩa,
vào sức vạn năng lấp biển vá trời của toàn dân trong
công cuộc giải phóng, nên mới lại có những câu sau này
nữa :

*Một trận gió đưa siêu ngã cỏ,
Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.*



*Hè qua dão tốt dang thì héo,
Xuân lại chồi khô thâm cũng tươi.*



*Thời nọ nhảm còn con băng đắng,
Đời nào lại chẳng có hùng anh.*



*Phụng gáy non Kỳ chờ có thuở,
Rèn lòng đinh sắt hẵn còn đây.*

Và cùng lên tiếng cảnh cáo bọn theo giặc :

*Hạc lộn bày gà thương những kẻ.
Chồn mang lớp cọp gớm cho bay.*



Bói mặt bằng bùn nhơ đã đáng,
Đút dầu vô máy chết không oan.



Thay lay có bùa vương trầy miệng,
Lưng cứng ghe ngay bị lở trôn.



Giúp trị lẽ nào dung đáng gã,
Trù loàn rồi có thiếu chi người.



Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người trí mảng lo danh chẳng chói,
Đứa ngu mới sợ tuổi không chờ.



Ba cõi may dầu in lại cũ,
Đôi trùng trùng đã thấy không ngươi.

Đứa dại trót già đời cũng dại,
Lụa là tuổi mới một đôi mươi,



Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc.



Đạo trời xét vậy há soi cho.



Gió xảng mới hay cây cỏ cứng,



Sông rộng nhiều tay lắp cũng bằng.

Chưa trả thù nhà đến nợ nước

Dám đâu mắt thấy lại tai ngơ.

Chúng tôi nói thế. Có người cho các ông trên đây là sai vì tin tưởng như vậy, nhưng rồi cuối cùng miền Nam cũng như toàn quốc đều phải đặt dưới quyền đô-hộ của Pháp. Song không nên, và cũng không thể đưa ra lý luận như thế được. Vì đó là vô tình nhìn nhận cái chủ nghĩa đầu hàng của Tôn, là thủ tiêu chiến đấu, là không nhìn thấy cái yếu tố căn bản của một cuộc chiến tranh là vấn đề nhân-tâm.

Phong trào kháng chiến bị dẹp tắt, đất nước bị đặt ở dưới quyền đô hộ của Pháp. Việc đó có nhiều lý do khác, không phải vì sức chiến đấu của nhân-dân mà mất. Trái lại sức chiến đấu ấy đã không bị mất theo

phong trào, mà lúc nào, thời gian nào cũng tiếp tục nỗi dậy, khi bí mật, khi công-khai, lúc địa phương đứng lên, lúc toàn cuộc phát động, và kết quả đã thành công ở những người tiếp tục tiến lên để làm tròn sứ mạng lịch-sử.

Lòng tin tưởng ấy bao giờ cũng đúng, bất cứ ở vào thời đại nào, hay một hoàn cảnh lịch sử này. Song ở trước một kẻ địch tuyệt đối mạnh hồn minh, cái đúng của nó lại càng tăng thêm giá trị và ý-nghĩa.

Nếu chúng ta phủ nhận nó đi thì tức đã đánh thấp giá-trị tinh-thần quật khởi của dân tộc, là hoàn - toàn không có một chút tự chủ nào trong người, là lúc nào cũng thụt lùi, cũng khoanh tay cúi đầu ở trước một kẻ mạnh. Lịch-sử của 80 năm tranh-dấu không ngừng, để tự giải phóng và kết-quả cuối cùng đã trả lời cho những quan-niệm sai lầm ấy.

Ngoài điểm trên ra, có người lại cho cuộc bút chiến này không phải là việc quan trọng trên lịch-sử, vì nó chỉ nằm trong phạm vi cá nhân, giữa một vài kẻ sĩ với nhau, và chỉ có giá-trị phần nào trong văn-học.

Nhưng nói vậy, thật là một sự sai lầm không

tưởng tượng, không nhận thấy cuộc bút-chiến ấy đã hoàn toàn từ thời-đại mà ra. Động cơ chính của nó là động cơ thời đại, động-cơ lịch sử, không phải vì động-cơ cá nhân, vì sự thành-khiển riêng biệt của một vài kẻ sĩ với nhau.

Và nói như thế cũng tức không hiểu gì về tính-chất của cuộc bút-chiến này, vì chỉ thấy hình-thức là một cuộc xướng-họa, mà không nhận được ra rằng nội-dung là một cuộc tranh-dấu giữa hai tư-tưởng ở trong một giai-doạn hết sức nghiêm trọng của lịch-sử, một bên là kẻ ra hàng giặc, còn bên là những người xem thấy cần-thiết phải chống lại, phải để cảm-tình cá-nhân ra một bên để lo cho công việc lớn của quốc-gia, dân-tộc.

Đành rằng, những bài thơ của Tôn-thợ-Tường chỉ là những cái đưa ra để lên tiếng với bạn bè, với những người đồng thanh đồng khí trên văn-dàn thi-giới, để bảo chửa cho hành-động của mình, và phân trần nỗi tâm-sự mình trước cảnh nhà nghiêng nước dồ. Nhưng chính những lời lẽ, những lý-do trong đó đã trở thành một tác-dụng tuyên-truyền cho chủ-trương hàng giặc và phản-lại nhân-dân. Những lời lẽ ấy, những lý-do ấy, nếu cứ để nằm trong óc Tôn thì chỉ có hại cho danh-dự của

cá-nhân họ Tôn mà thôi. Nhưng đã đưa ra, thế tất nhiên, ảnh-hưởng của nó đã gây một tai hại không nhỏ trong tinh-thần đồng-bào, nhất là với những kẻ đang tấp-tênh, muốn ló đầu ra để bước vào con đường mà Tôn đã bước phải, một con đường, nếu dân-tộc ta ai cũng thế, thì chỉ có nước, con con cháu cháu muôn năm sống mãi một kiếp đời nô-lệ.

Với những bài thơ đưa ra ở trong cuộc bút-chiến, Tôn tự-thuật, tự phân-tranh, nhưng nội-dung dù muốn hay không, vô tình hay hữu ý, Tôn cũng không thể biện hộ cho đó không phải là luận-điệu cỗ-dòng và tán dương cho chính-sách dùng người Việt trị người Việt của Pháp mà lá bài đầu tiên của chúng là nhắm vào từng lớp sĩ-phu.

Nhìn vào hoàn-cảnh lúc đó, một hoàn-cảnh chiến-tranh trong nước đã chia làm hai phe rõ rệt, chúng ta đã nghĩ xem những lý-lẽ của Tôn đưa ra như cho đó là quyền-biển, là nước cờ thối không còn gỡ lại được nữa, là thân còn chẳng-kẻ, kẻ-gì danh, như thế là có lợi cho-dân-tộc, hay có lợi cho kẻ thù.

Pháp mới chỉ chiếm được 3 tỉnh miền Đông, phong-trào kháng chiến lúc đó có đường này mạnh, thế

lực Triệu-dinh còn vững, ấy thế mà chưa chi Tôn đã
khiếp sợ cho rằng :

*Chớp nhoáng thảng bon dây thép gió,
Máy bay đen kít khói tàu bay.
Miệng cọp hám rồng chưa dẽ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chó thay lay.*

Tán dương lực lượng của Pháp một cách đến mù
quang như vậy, luận-diệu ấy có khác nào luận-diệu của
Đào-trọng-Kỳ, tổng-đốc Nam-Định, khi tướng giặc là
F. Garnier mới hạ thành Hà-nội, Nam-Định, Ninh-
Bình, Phủ-lý, cuộc chiến còn chưa phân thắng bại,
ấy thế mà đã sợ chết, lo mất giàu sang, dì làm một
bài táng tụng kẻ cướp nước, trong đó có những
câu đáng nêu chửi vào mặt : *nhất nguyệt công hạ tú
thành, hà kỳ dũng yên, nhất nguyệt công hạ tú thành,
bất sát nhất nhân, hà kỳ nhân yên?* Nghĩa là tên
F. Garnier trong một tháng đánh hạ được bốn, sao mà
mạnh thế? Trong một tháng đánh hạ bốn thành chẳng
giết một người nào, sao mà nhân thế? (Mấy câu này
của Đào sau đến tai triều đình, vua Tự-Đức không
bắt tội, nhưng đưa ra cho Đào một tờ chỉ dụ có một
câu than rằng : *Hữu thần như Đào-trọng-Kỳ trầm*

hà vong yên ? nghĩa là có bày tôi như tên Đào-trọng-Kỳ thì ta còn mong gì được nữa. Đọc mấy câu đó, Đào toát mồ-hôi ra, rồi xấu hổ bỏ chức đi vào Ninh-Bình tự-tử chết.)

Luận-điệu ấy của Tôn-thọ-Tường đưa ra ở trong một thời đại như thế, nếu không có sự chống lại kịch liệt ở phía ông Phan-văn-Trị thì trong nhân-dân khỏi sao không có những người bị mù quáng và làm lạc về những lời văn-nghệ khéo léo của Tôn.



Cho nên đối với cuộc bút-chiến này, ta phải nhận rằng chính đó là một mặt chiến đấu của nhiều mặt chiến đấu khác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng-chiến chống ngoại-bang xâm-lược.

Dầu chỉ chiến đấu bằng bấy nhiêu bài thơ, dầu trong đó có đôi chỗ còn nặng nề cái tinh-thần ẩn-dật, chờ đợi, nhưng bên phía ông Phan-văn-Trị cũng đã dự một phần vào công việc lớn của toàn dân lúc đó. Nghĩa là phía ông đã đánh bại được luận-điệu tuyên truyền cho đường lối của Tôn, đã già đi được trong dư-luận đồng-bào, những vị thuốc độc về tinh-thần của Tôn và như thế, có nghĩa là ông Phan-văn-Trị và những người

thuộc về phía ông đã thành công trong hai đặc-diểm
đáng chú ý là làm sáng tỏ thêm chánh nghĩa của
nhân-dân kháng chiến, và đã kịp thời chặn đứng
lại được tư-tưởng của một số người nào đang phản vân,
tấp tênh dự định đi vào con đường rất tai hại cho dân-
tộc của Tôn, mặc dầu không phải là chủ ý để làm
những hành-động đại bắt nhân bắt nghĩa như bọn
Trân-bá-Lộc, Nguyễn-Thân, Hoàng-cao-Khai.

Chúng ta ngày nay nhìn lại cuộc bút-chiến ấy
phải thấy rõ điểm đó.

Và ngoài cái giá-trị của nó để lại cho sau này những
tài liệu quý báu về tinh-thần sĩ-phu miền Nam ở bước
đầu tiên buổi giao-thời Việt, Pháp, chúng ta không thể
bỏ qua, không nhận thấy cái giá-trị đặc biệt về lịch-sử,
và sự thành công của nó như trên đây.

Chính đó mới là những nét chính, những nét
quan-trọng ở trong cuộc bút-chiến này vậy.

— HẾT —

Tủ sách Văn-nghệ
của nhà SỐNG MỚI xuất-bản

Hân-hạnh giới-thiệu quý bạn đọc những
tác-phẩm có giá trị:

- BÓNG MƠ
- ĐƯỜNG ĐỜI

của Bà TÚ-HOA

Một cây bút quen biết đã từng hợp-tác
trong nhóm *Tự-Lực Văn-Đoàn*.



- NGƯỜI NỮ DANH CA
- HỒNG NGỌC

của THANH-NAM

Nhà văn THANH - NAM sau một thời-gian
vắng bóng, đã trở lại văn-dàn với hai tác-phẩm
mới mẻ nói trên.



- HOA TRINH NỮ

của THẨM-THỆ-HÀ

Một tác-phẩm mà các bạn yêu văn không
thể bỏ qua.

SẮP XUẤT-BẢN:

- ĐÔI MÁI ĐẦU XANH

của THANH-THUÝ

IN XONG NGÀY 12-11-57
TẠI NHÀ IN RIÊNG
CỦA NHÀ XUẤT BẢN
GIẤY PHÉP
SỐ 1.509 NGÀY 11-9-57

TỦ SÁCH TINH-HOA
của nhà SỐNG-MỚI xuất-bản

ĐÃ XUẤT BẢN :

- GIAI THOẠI VĂN-CHƯƠNG VN.
của THÁI-BẠCH
- TRẠNG-TRÌNH NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
của THÁI-BẠCH
- HỌC-LẠC
của NGUYỄN-TÙ-NĂNG
- PHẠM-HỒNG-THÁI
của TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH
- BỐN VỊ ANH-HÙNG KHÁNG-CHIẾN
MIỀN NAM quyển I và II
của THÁI-BẠCH
- 72 LIỆT-SĨ HOÀNG-HOA-CƯƠNG
của NGUYỄN-TÙ-NĂNG
- CUỘC BÙT CHIẾN GIỮA
PHAN-VĂN-TRỊ VÀ TÔN-THỌ-TƯỜNG
của THÁI-BẠCH

SẮP XUẤT-BẢN :

- NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU
của THÁI-BẠCH

Sẽ lần-lượt xuất-bản những Tác-phẩm giá-tri
gom-gop tất cả TINH-HOA của Đất Nước.